

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

DƯƠNG PHAN THÙY DUNG

**PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

DƯƠNG PHAN THÙY DUNG

**PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật Hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS. HỒ SỸ SƠN

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG	7
1.1. Khái niệm, bản chất và ý nghĩa của phòng vệ chính đáng.....	7
1.2. Các điều kiện của phòng vệ chính đáng.....	11
1.3. Các yếu tố tác động đến việc xác định phòng vệ chính đáng	19
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	28
2.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về phòng vệ chính đáng	28
2.2. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về phòng vệ chính đáng	42
Chương 3: YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG	62
3.1 Yêu cầu áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng	62
3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng.....	67
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	76

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Pháp luật hình sự được coi là một công cụ sắc bén để Nhà nước quản lý xã hội trong vòng trật tự, bảo vệ tối đa quyền con người và những lợi ích chung của đất nước. Nhằm thực hiện được nhiệm vụ quan trọng đó, Bộ luật hình sự quy định nhiều chế định trong đó có phòng vệ chính đáng. Phòng vệ chính đáng được xem là quyền pháp lý, nhưng đồng thời cũng là nghĩa vụ về đạo đức trong việc bảo vệ lợi ích chung của con người và của Nhà nước, góp phần không nhỏ trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm của nước ta hiện nay.

Về mặt lập pháp, phòng vệ chính đáng được chính thức ghi nhận trong Bộ luật hình sự năm 1985, trải qua quá trình áp dụng trên thực tiễn bên cạnh những mặt tích cực thì cũng tồn tại không ít những bất cập. Vì thế, đến Bộ luật hình năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) và gần đây nhất là Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về phòng vệ chính đáng từng bước được thay đổi để phù hợp với thực tiễn, cũng như thực hiện nhiệm vụ được đặt ra cho pháp luật hình sự. Quy định phòng vệ chính đáng cho phép mọi công dân có quyền chống trả lại trong giới hạn cho phép của pháp luật hình sự đối với những hành vi xâm phạm lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc của Nhà nước nói chung. Mặc dù, chế định này đã được các nhà làm luật cân nhắc bổ sung và hoàn thiện nhiều lần, tuy nhiên vẫn phải tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện hơn để bảo vệ được quyền con người như trong Hiến pháp 2013 đã ghi nhận.

Về mặt lý luận, phòng vệ chính đáng là chế định luôn được các nhà nghiên cứu pháp luật hình sự quan tâm bằng những công trình nghiên cứu khoa học dành riêng cho chế định này. Từ hoạt động nhận thức khác nhau đã dẫn đến những quan điểm, ý kiến khác nhau về phòng vệ chính đáng, đến nay

vẫn còn đang tranh luận về: bản chất, dấu hiệu, phạm vi, hay cách đặt tên cho phòng vệ chính đáng là phòng vệ hay tự vệ, chính đáng hay cần thiết....

Về mặt thực tiễn, phòng vệ chính đáng trải qua quá trình áp dụng thực tiễn, nhận thấy được những ưu điểm trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, xác định rõ ràng, chính xác giữa hành vi bị coi là tội phạm và hành vi không phải tội phạm, hành vi phải chịu trách nhiệm hình sự hay hành vi được loại trừ trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó, cũng cho thấy có nhiều vụ án hình sự xảy ra liên quan đến phòng vệ chính đáng mà các cơ quan áp dụng pháp luật đã gặp không ít khó khăn, lúng túng do nhiều nguyên nhân nên đã dẫn đến việc áp dụng không đúng quy định, thậm chí các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, người tiến hành tố tụng hình sự lại có những quan điểm trái ngược nhau trong cùng một vụ án hình sự về phòng vệ chính đáng. Cũng có những trường hợp, do người dân không nhận thức được hết quy định của phòng vệ chính đáng hoặc do tâm lý lo sợ, thờ ơ trước những hành vi trái pháp luật; hoặc người dân chưa phân biệt được đâu là hành vi xâm hại trái pháp luật và đâu là hành vi đúng đắn của những người thi hành công vụ được pháp luật cho phép thực hiện. Nhưng với quy định của pháp luật hiện hành, cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành chế định phòng vệ chính đáng vẫn chưa rõ ràng, cụ thể và thống nhất tới những tiêu chí để xác định phòng vệ chính đáng. Vì vậy mà, trong thực tiễn áp dụng quy định phòng vệ chính đáng không đúng đắn, không phát huy được hết ý nghĩa của phòng vệ chính đáng trong vấn đề bảo vệ quyền con người – quyền công dân và đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như những nhiệm vụ mà Bộ luật hình sự đã đặt ra. Từ những phân tích trên cho thấy việc nghiên cứu về lý luận và lập pháp trên cơ sở tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự nói chung, chế định phòng vệ chính đáng nói riêng của nước ta, đồng thời học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia sẽ tạo ra những cơ sở đáng tin cậy cho việc hoàn thiện pháp luật hình sự,

nâng cao hiệu quả về phòng vệ chính đáng, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới theo tinh thần cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ chính trị đã đề ra.

Với những lý do trên, tác giả luận văn này đã lựa chọn đề tài “***Phòng vệ chính đáng theo pháp luật hình sự Việt Nam***” làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Chế định phòng vệ chính đáng là một trong những chế định quan trọng, nhưng tương đối phức tạp trong pháp luật hình sự, nên đã có rất nhiều nhà nghiên cứu khoa học luật hình sự quan tâm và đưa ra rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề này. Trong số các công trình nghiên cứu đã được công bố thì phải kể đến những công trình sau:

Trong sách chuyên khảo Sau đại học của GS. TSKH Lê Văn Cẩm “*Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (phần chung)*”; “*Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*” tác giả GS.TSKH Lê Cẩm (Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội năm 1999); “*Vấn đề phòng vệ chính đáng*” của tác giả Đặng Văn Doãn (Nhà xuất bản pháp lý, Hà Nội năm 1983); “*Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự*” của tác giả Đinh Văn Quế (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 1998); “*Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*” của GS.TSKH Đào Trí Úc (Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội năm 1994).....

Bên cạnh đó, cũng có một số bài viết có giá trị liên quan đến phòng vệ chính đáng như: “*Một vài suy nghĩ về phòng vệ chính đáng*” (Tạp chí Luật học, trường Đại học Luật Hà Nội, số 2/1996) của TS. Hoàng Văn Hùng; “*Về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự*” (Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 4/1999) của PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí; “*Chế định phòng vệ chính đáng nhìn*

từ góc độ so sánh pháp luật hình sự một số nước trên thế giới” (Tập chí nhân lực khoa học xã hội, số 01/2012) của PGS.TS Hồ Sỹ Sơn.....

Với những công trình nghiên cứu nêu trên đã đề cập đến phòng vệ chính đáng trong luật hình sự Việt Nam, tuy nhiên về nghiên cứu lý luận thì vấn đề này chưa được quan tâm một cách đúng mức. Do vậy, trong luận văn này học viên muốn tiếp tục nghiên cứu dựa trên sự kế thừa của những nhà khoa học hình sự để phát triển về mặt lý luận chế định phòng vệ chính đáng.

3. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về phòng vệ chính đáng ở nước ta trong thời gian từ 2010 đến nay, luận văn đề xuất các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng chế định pháp luật này trong thực tiễn tố tụng hình sự nước ta.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên đây, luận văn thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Phân tích những vấn đề lý luận về phòng vệ chính đáng;
- Phân tích nội dung các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về phòng vệ chính đáng;
- Phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng ở nước ta từ năm 2010 đến năm 2016; phân tích nguyên nhân của thực tiễn đó.
- Lập luận và đề xuất các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật về phòng vệ chính đáng ở nước ta.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn này lấy các quan điểm khoa học về phòng vệ chính đáng; các quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng ở nước ta để nghiên cứu các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của đề tài.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dưới góc độ luật hình sự và tố tụng hình sự

- Không gian nghiên cứu: ở Việt Nam

- Thời gian nghiên cứu: từ năm 2010 đến 2016

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn này được thực hiện trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả luận văn này còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau: phân tích, so sánh, lịch sử, diễn giải, tổng hợp và một số các phương pháp nghiên cứu khác.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Các kết quả nghiên cứu của luận văn này có ý nghĩa: luận văn góp phần vào việc đánh giá và xác định đúng đắn thực tiễn áp dụng chế định phòng vệ chính đáng, đưa ra những giải pháp hoàn thiện chế này về khía cạnh lập pháp và áp dụng thực tiễn. Ngoài ra, luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên nghiên cứu pháp luật hình sự, phục vụ hoạt động lập pháp hình sự, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn gồm 3 chương sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về phòng vệ chính đáng.

Chương 2: Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về phòng vệ chính đáng và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Yêu cầu và giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về phòng vệ chính đáng.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

1.1. Khái niệm, bản chất và ý nghĩa của phòng vệ chính đáng

1.1.1. Khái niệm phòng vệ chính đáng

Pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng của tất cả các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam, đều có những quy phạm pháp luật bảo vệ những quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và Nhà nước. Khi nói đến vấn đề bảo vệ lợi ích đó, chúng ta thấy rằng sẽ có những người hoặc cơ quan mang thẩm quyền Nhà nước đứng ra bảo vệ theo nghĩa vụ pháp lý. Nhưng trong Luật hình sự của Việt Nam lại có một chế định nói lên vấn đề bảo vệ những lợi ích hợp pháp bằng chính hành vi của những người không mang quyền lực Nhà nước và đó được coi là quyền của mọi công dân trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đó là chế định phòng vệ chính đáng.

Trước Bộ luật hình sự đầu tiên của Việt Nam, được ban hành thì đã có nhiều văn bản đề cập đến vấn đề bảo vệ quyền, lợi ích của toàn xã hội nói chung và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói riêng, nhưng lại không có một khái niệm cụ thể về phòng vệ chính đáng. Đến khi Bộ luật hình sự năm 1985 được thông qua và có hiệu lực pháp luật, xuất hiện chế định phòng vệ chính đáng lần đầu tiên được ghi nhận tại khoản 1 Điều 13 như sau:

“Phòng vệ chính đáng là hành vi vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ lợi ích chính đáng của mình, của người khác mà chống trả lại một cách tương xứng người có hành vi xâm phạm đến các lợi ích nói trên.

Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm”. [13]

Khái niệm này cũng thể hiện một bước tiến rất lớn trong lập pháp của nước ta, thể hiện được nguyên tắc nhân đạo trong pháp luật hình sự, quyền được bảo vệ lợi ích cá nhân cũng như lợi ích chung của mỗi con người, và đồng thời tạo tiền đề pháp lý cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm

đạt hiệu quả hơn. Bên cạnh những ưu điểm đó, thì sau khi trải qua quá trình áp dụng trong thực tiễn chế định phòng vệ chính đáng đã bộc lộ những bất cập, khó khăn, nhất là trong sử dụng thuật ngữ “chống trả lại một cách tương xứng”, bởi bản thân thuật ngữ “tương xứng” nghĩa là phải giống nhau, ngang bằng nhau về mọi thứ như:

Thứ nhất, người có hành vi tấn công sử dụng công cụ, phương tiện gì thì người có hành vi phòng vệ cũng phải sử dụng công cụ phương tiện đó! Trong khi đó, thực tế cho thấy trong nhiều trường hợp người phòng vệ không hề biết trước mình bị tấn công, bị tấn công bằng cái gì, thì làm sao biết để chuẩn bị công cụ, phương tiện cho giống?

Thứ hai, hành vi tấn công như thế nào thì hành vi phòng vệ phải giống như vậy? Ví dụ như: người tấn công dùng tay bóp cổ người khác thì người được phòng vệ cũng phải dùng tay bóp cổ lại người tấn công, chứ không được sử dụng hành vi khác, điều này là không phù hợp với thực tế.

Thứ ba, hành vi tấn công gây thiệt hại gì thì hành vi phòng vệ cũng phải gây thiệt hại ngang bằng như vậy. Ví dụ: A cầm dao đuổi chém B, B bỏ chạy nhưng đường cùn nên B nhặt được một khúc gỗ và đập mạnh vào chân A (khi A đang xông tới), sau đó A bị gãy chân và không thể đuổi chém B được nữa. Rõ ràng về mặt khách quan thì B (người phòng vệ) không bị thương tích, trong khi A (người tấn công) bị thương, thì thiệt hại này không hề ngang nhau. Nếu hiểu quá nguyên tắc về thuật ngữ “tương xứng” trong trường hợp này thì có thể làm oan người vô tội.

Cũng từ hoạt động tổng kết thực tiễn áp dụng Bộ luật hình sự năm 1985 nói chung và chế định phòng vệ chính đáng nói riêng, thì các nhà nghiên cứu khoa học luật hình sự và các nhà làm luật đã thay đổi tư duy trong cách sử dụng thuật ngữ mang tính chính xác cao hơn để khắc phục những hạn chế, bất

cập. Bộ luật hình sự năm 1999 ra đời, cũng trên việc kế thừa chế định phòng vệ chính đáng thì tại khoản 1 Điều 15 có quy định:

“Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm đến các lợi ích nói trên.

Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm”.[14]

Việc phân tích khái niệm trên đây về phòng vệ chính đáng cho thấy về mặt từ ngữ khái niệm phòng vệ chính đáng đã có sự thay đổi rõ rệt so với khái niệm tương ứng trong Bộ luật hình sự năm 1985, bởi thuật ngữ “chống trả một cách tương xứng” được thay bằng thuật ngữ là “chống trả lại một cách cần thiết”. Sự thay đổi này không chỉ đơn thuần thay đổi về mặt từ ngữ hay ý nghĩa của từ ngữ, mà hơn thế là thay đổi cách nhìn nhận và mở rộng hơn quyền con người trong phòng vệ chính đáng, khuyến khích người dân tham gia vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Thực tiễn áp dụng chế định phòng vệ chính đáng cũng cho thấy đa phần hành vi phòng vệ là hành vi của chính người đang bị hành vi nguy hiểm khác xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến những lợi ích của người phòng vệ hoặc nếu có hành vi phòng vệ thì cũng chỉ bảo vệ lợi ích cho người thân thích của họ, khi những người này rơi vào tình trạng không thể phòng vệ được. Dường như rất hiếm thấy hành vi phòng vệ nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước hay lợi ích của tổ chức, thậm chí là lợi ích của người khác, bởi tâm lý sợ bị liên lụy, phiền hà, thậm chí là vô tâm, thờ ơ đối với những hành vi nguy hiểm, đang xâm phạm lợi ích mà pháp luật hình sự bảo vệ và như vậy đã làm giảm đáng kể tinh thần nhân đạo của luật hình sự, cụ thể là của phòng vệ chính đáng. Cả hai thuật ngữ “tương xứng” và “cần thiết” xét thấy đều phù hợp, nhưng đôi khi làm cho các nhà áp dụng pháp luật hình sự mang cả hai hành vi tấn công

và hành vi phòng vệ ra để “cân, đong, đo, đếm” lại mang tính chính xác không cao và gây tâm lý lo sợ đối với người có hành vi phòng vệ muốn bảo vệ lợi ích nào đó hợp pháp. Do vậy, dưới góc độ nghiên cứu khoa học luật hình sự, học viên xin đưa ra khái niệm đang cần được nghiên cứu như sau:

“Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì muốn bảo vệ lợi ích của hợp pháp của mình, của người khác hoặc lợi ích chung của Nhà nước, của tổ chức mà chống trả lại một cách hợp lý nhằm ngăn chặn hoặc đẩy lùi hành vi của người đang xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến những lợi ích nói trên.

Phòng vệ chính đáng không phải tội phạm”

1.1.2. Bản chất của phòng vệ chính đáng

Thứ nhất, phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm. Mặc dù trong phòng vệ chính đáng có đầy đủ dấu hiệu của một cấu thành tội phạm, nhưng vì được pháp luật hình sự cho phép một con người thực hiện khi có những hành vi khác xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

Thứ hai, phòng vệ chính đáng được coi là quyền của mọi công dân chứ không phải là nghĩa vụ pháp lý (bắt buộc phải thực hiện khi rơi vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể), nếu có thì chỉ là “nghĩa vụ đạo đức” khi thấy người khác bị tấn công thì giúp đỡ.

Thứ ba, chỉ được xem là phòng vệ chính đáng khi hành vi phòng vệ vẫn còn trong giới hạn cho phép của pháp luật hình sự.

1.1.3. Ý nghĩa của phòng vệ chính đáng

Dựa theo những quy định của pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng pháp luật về chế định phòng vệ chính đáng, tác giả luận văn này đã nhận thấy có những ý nghĩa quan trọng sau:

Một là, thể hiện mặt lập pháp nước ta càng ngày phát triển bắt kịp với xu hướng pháp luật trên thế giới.

Hai là, sự chủ động của toàn xã hội trong việc xử lý người có hành vi trái pháp luật đáng kể. Việc xử lý người có hành vi nguy hiểm cho xã hội nói chung và tội phạm nói riêng là thuộc về những cá nhân hoặc tổ chức nhân danh Nhà nước thực hiện theo nghĩa vụ pháp lý. Nhưng không phải lúc nào cũng kịp thời bảo vệ lợi ích chung của toàn xã hội, Nhà nước chỉ phát hiện và xử lý khi hành vi nguy hiểm cho xã hội đó đã đe dọa gây ra hoặc gây ra thiệt hại cho xã hội. Vì vậy, cần phát huy tích cực tính chủ động của mọi người trong việc ngăn chặn hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Ba là, xác định được rõ ràng ranh giới giữa tội phạm và không phải tội phạm. Giữa trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự và trường hợp không chịu trách nhiệm hình sự, từ đó giúp người dân yên tâm trong việc cùng Nhà nước tham gia bảo vệ đất nước, ngăn chặn và đẩy lùi những hành vi tiêu cực cho xã hội.

Bốn là, thể hiện được tính nhân đạo, một trong ba nguyên tắc cơ bản của Bộ luật hình sự Việt Nam là nguyên tắc nhân đạo, cả trong chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước cũng nêu rõ vấn đề nhân đạo. Nhân đạo ở đây không chỉ là Nhà nước thể hiện sự nhân đạo của mình đối với người có hành vi phạm tội chính đáng, mà còn khuyến khích sự nhân đạo của mỗi công dân trong việc bảo vệ những lợi ích chung của xã hội. Có ai đó đã nói rằng: “có một hành vi tốt cho xã hội thì sẽ bớt đi một hành vi xấu làm hại xã hội”.

1.2. Các điều kiện của phòng vệ chính đáng

Việc phân tích các quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng, cho thấy không phải lúc nào mọi người cũng có thể thực hiện đúng quyền này, bởi nếu nhận thức không đúng hoặc không đầy đủ sẽ dẫn đến việc sử dụng không đúng quyền được phòng vệ đã được pháp luật hình sự ghi nhận. Khi nào được thực hiện, thực hiện như thế nào quyền này là vấn đề cần phải làm rõ trong tất cả các điều kiện về phòng vệ chính đáng, và cũng cần

phân biệt được một số hành vi giống với phòng vệ chính đáng nhưng thực chất là không phải.

1.2.1. Các điều kiện thuộc về hành vi xâm hại

Về mặt lý luận, C.Mác cũng từng khẳng định: “ngoài hành vi của mình ra tôi hoàn toàn không tôn tại đối với pháp luật, hoàn toàn không phải là đối tượng của nó”. Trên cơ sở đó, pháp luật nói chung và luật hình sự nói riêng của Việt Nam đã thừa nhận rằng, chỉ bằng hành vi của mình con người mới có thể xâm hại đến những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ, và những suy nghĩ hay tư tưởng xấu xa của con người mà chưa thể hiện ra bên ngoài thế giới khách quan hoặc không có căn cứ xác định sẽ thực hiện thì không bị cho là nguy hiểm cho xã hội và tất nhiên sẽ không bị pháp luật điều chỉnh.

[2, tr.60]

Bởi tính chất của các quan hệ xã hội mà phần lớn các quy phạm pháp luật hình sự bảo vệ, quy định nghĩa vụ pháp lý bắt buộc đối với chủ thể (cấm đoán hoặc yêu cầu thực hiện) song vẫn có những quy phạm quy định quyền của con người (quyền tự bảo vệ mình hoặc lợi ích chung khác). Tuy nhiên, quyền đó của con người không phải lúc nào cũng được phát sinh, vì vậy chúng ta cần phải xác định rõ những điều kiện mà trước hết là điều kiện thuộc hành vi tấn công. Khi chưa có những quy định cụ thể của Bộ luật hình sự, song qua nghiên cứu các văn bản và thực tiễn ở thời kỳ này thì GS.TSKH Lê Cẩm đã có quan điểm sau về hành vi tấn công: [4, tr.546]

Thứ nhất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đáng kể của hành vi xâm hại. Vậy thì, mức độ nguy hiểm cho xã hội thế nào được coi là đáng kể. Trước hết cần hiểu rằng, hành vi nguy hiểm cho xã hội phải là hành vi tiêu cực do con người thực hiện xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến những lợi ích chung của xã hội và hành vi nguy hiểm đó phải ở mức độ đáng kể. Hành vi nguy hiểm cho xã hội có thể được thực hiện bằng hành động hoặc không hành động. Trên

thực tế, có rất nhiều hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, ví dụ như: hành vi của con, cháu chửi mắng ông bà, cha mẹ; hành vi cha mẹ dạy dỗ con bằng roi như ông bà ta vẫn nói: “thương cho roi cho vọt”... nhưng những hành vi này chưa ở mức độ nguy hiểm “đáng kể”. Chẳng hạn, nếu trong quá trình giáo dục con mình, cha mẹ có sử dụng roi vọt tác động lên thân thể đứa trẻ (chỉ mang tính giáo dục), mà đứa con lại có hành vi chống trả lại cha mẹ, vì cho rằng đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội thì hoàn toàn không đúng cả về mặt pháp lý lẫn đạo đức xã hội. Một ví dụ khác, người cha đưa tiền cho con và yêu cầu đứa con phải đi mua chất ma túy về cho mình sử dụng, nhưng người con không đồng ý đi vì biết rằng hành vi đó là trái pháp luật, người cha tức giận vì con cãi lời nên đã dùng một ống tuýp sắt đánh liên tục vào người con. Hành vi đó của người cha có mức độ nguy hiểm đáng kể và đang xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của con người, trong trường hợp này người con có quyền phòng vệ đối với hành vi trái pháp luật của người cha.

Hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội như đã nhấn mạnh, ngoài hình thức hành động thì còn có hình thức không hành động. Có khá nhiều quan điểm cho rằng hành vi được thực hiện bằng hành động sẽ có tính chất nguy hiểm đáng kể hơn là hành vi được thực hiện bằng không hành động và chỉ khi nào xuất hiện hành vi hành động gây nguy hiểm đáng kể cho xã hội thì quyền phòng vệ của người phòng vệ mới phát sinh. Tác giả luận văn này, không đồng tình với những quan điểm đó, ví dụ: tình huống thứ nhất: A cầm một nhánh liễu nhỏ đuổi đánh B vì bị B chọc ghẹo. Tình huống thứ hai: người vợ mang thai được 8 tháng bị đau bụng và chảy máu nhiều dẫn đến bất tỉnh, nhưng người chồng nhất quyết không đưa vợ đến bệnh viện kiểm tra vì cho rằng chưa đến ngày sinh (phải đủ 9 tháng 10 ngày) và cho rằng đó là hiện tượng bình thường rồi vợ sẽ tỉnh lại. Rõ ràng, tình huống thứ nhất là hành vi được thực hiện bằng hành động nhưng khó để gọi là mức độ nguy hiểm “đáng

kẻ”, nhưng ngược lại với tình huống thứ hai dù hành vi được thực hiện bằng không hành động nhưng rõ ràng là nguy hiểm quá “đáng kể”. Trên thực tế, không phải ai cũng nhận thức được tính nguy hiểm đáng kể này. Về cơ bản có thể xác định mức độ “đáng kể” như sau:

Một là tùy thuộc vào tính chất quan trọng của các mối quan hệ xã hội bị xâm phạm (quan hệ xã hội cần được bảo vệ). Để xác định được tính chất này cần dựa vào quy định thuộc Phần tội phạm của Bộ luật hình sự nước ta, bởi vì những quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ bằng những quy phạm pháp luật hình sự được sắp xếp theo thứ tự giảm dần về tính chất quan trọng.

Hai là phụ thuộc vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi tấn công. [12, tr.66]

Thứ hai, hành vi xâm hại cần phải đang diễn ra và chưa kết thúc (chấm dứt)

Khi đã xác định được mức độ đáng kể của hành vi xâm phạm thì cần phải biết được rằng hành vi đó có còn diễn ra trên thực tế hay không? Vấn đề ở đây xác định hành vi còn diễn ra hay không, chứ không phải xác định hậu quả của hành vi đã gây ra. Ví dụ: A chặn đường đánh B, để lại trên người mặt B nhiều vết bầm và gãy một cây răng (vì bị tát mạnh vào mặt). Sau đó, B về nhà kể với C, nên C đã qua nhà A để đánh lại như vậy, vì C cho rằng B mới bị đánh thương tích vẫn còn đó. Hành vi xâm hại ở đây là hành vi A đã đánh B nhưng hậu quả phát sinh từ hành vi lại là thương tích trên người B. Hành vi xâm hại rõ ràng đã kết thúc. Hành vi xâm hại đang diễn ra nghĩa là đã và đang xảy ra trên thực tế và chưa chấm dứt (kết thúc) khi hành vi bị phát hiện.

1.2.2. Các điều kiện thuộc về hành vi phòng vệ

Khi đã xác định được lý do cho phép thực hiện hành vi phòng vệ, ngay lúc đó cũng cần xác định hành vi phòng vệ đó phải như thế nào để không bị coi là tội phạm mặc dù có thể thực tế đã gây ra thiệt hại. Từ những yêu cầu

đó, GS.TSKH Lê Cẩm cũng đưa ra hai điều kiện thuộc về hành vi phòng vệ:
[4, tr.549]

Một là, hành vi phòng vệ cần phải được thực hiện bằng việc gây thiệt hại cho chính người có hành vi xâm hại, chứ không phải cho người thứ ba;

Hai là, cường độ của hành vi phòng vệ cần phải tương xứng với cường độ của hành vi xâm hại.

Cần lưu ý rằng, quan điểm của GS.TSKH Lê Cẩm có lẽ được đưa ra khi Bộ luật hình sự năm 1985 quy định thuật ngữ “tương xứng” trong quy phạm về phòng vệ chính đáng. Đặt trong bối cảnh hiện nay, cần phải hiểu cường độ của hành vi phòng vệ phải “cần thiết” như pháp luật hình sự hiện hành quy định.

1.2.3. Vượt quá giới hạn của phòng vệ chính đáng và phòng vệ tương tự

1.2.3.1. Vượt quá giới hạn của phòng vệ chính đáng

Phòng vệ để bảo vệ những lợi ích chính đáng chung của xã hội nói chung và quyền con người nói riêng, là hành vi được pháp luật hình sự cho phép thực hiện, nhưng không đồng nghĩa với việc công dân có quyền phòng vệ bất cứ mức độ, phạm vi và quy mô nào.

Theo khoản 2 Điều 15 Bộ luật hình sự 1999 quy định:

“Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự”.[14]

Như vậy, vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có lý do thực hiện như phòng vệ chính đáng nhưng đã vượt quá giới hạn cần thiết so với tính chất và mức độ của hành vi xâm hại. Chính sự vượt quá giới hạn này cho

phép coi hành vi mặc dù chống trả lại hành vi xâm hại là tội phạm bị pháp luật hình sự cấm thực hiện. Sự vượt quá giới hạn này cũng do nhiều nguyên nhân, có thể là khách quan hoặc có thể chủ quan của người có hành vi. Tuy nhiên do có yếu tố chống trả lại hành vi xâm hại lợi ích của xã hội, Nhà nước và cá nhân mà hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng bị trừng trị nhẹ hơn so với những hành vi phạm tội khác.

1.2.3.2. Phòng vệ tương tượng

Nếu trong một hoàn cảnh cụ thể, một người tưởng lầm rằng người khác có hành vi xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, của mình hay của người khác mà họ gây ra thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của người đó. Khoa học luật hình sự gọi trường hợp phòng vệ này là phòng vệ tương tượng. Trường hợp này, thì không có những cơ sở cơ bản để được phát sinh quyền phòng vệ, nhưng do chủ thể lầm tưởng nên đã gây thiệt hại cho người khác. [12, tr.73]

Ví dụ: Khi A đang cùng bạn gái ngồi ăn trái cây trong công viên thì thấy anh B dắt 1 con chó Becgie, khi anh B thì nhìn vào A và con chó thì sủa rất to, nên A nghĩ rằng anh B điều khiển con chó để tấn công mình, A đã lấy con dao sẵn có trong túi trái cây và chạy đến tấn công anh B làm anh B bị thương ở bụng. Phân tích tình huống này có thể thấy rằng, hành vi của anh B dẫn chó đi ngoài đường và hành vi của anh B nhìn vào A đều không phải là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Việc anh B điều khiển chó để tấn công A trong trường hợp này là không có cơ sở, không có thật, vì vậy hành vi của A đâm anh B là sai và bị coi là “phòng vệ tương tượng” nghĩa là A phải chịu trách nhiệm hình sự nếu hành vi gây thương tích đó cấu thành tội phạm.

Trong thực tế, đã có rất nhiều người khi thực hiện hành vi phạm tội nhưng cho rằng hành vi của mình là phòng vệ chính đáng, họ cho rằng người đó chuẩn bị có hành vi tấn công mình một cách không có cơ sở (ví dụ: một

người xâm hình, mặt dữ và nhìn mình thì cho rằng họ sẽ gây nguy hiểm cho mình; hay một người bị bệnh tâm thần đi lang thang và có cầm cái cây to nhìn mình thì cũng nghĩ rằng người tâm thần đó sẽ đánh mình...), tất cả những điều đó chỉ là do sự tưởng tượng của người đã gây thiệt hại thật sự.

Không được xem phòng vệ tưởng tượng như một dạng của vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Vì vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì về các cơ sở xuất hiện quyền phòng vệ là có thật, nhưng vì người phòng vệ đã gây thiệt hại quá giới hạn cho phép đối với người tấn công mà pháp luật đã quy định. Còn phòng vệ tưởng tượng là chưa có bất kỳ một cơ sở nào của quyền phòng vệ xuất hiện. Tất nhiên là cả hai trường hợp này đều đặt ra vấn đề trách nhiệm hình sự, nhưng hoàn toàn khác nhau. Trách nhiệm hình sự đối với vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định rõ ràng trong Bộ luật hình sự tại khoản 2 Điều 13 Bộ luật hình sự năm 1985 và khoản 2 Điều 15 Bộ luật hình sự năm 1999.

Trong khi đó trách nhiệm hình sự đối với phòng vệ tưởng tượng là không có, chính vì thế đã có những quan điểm khác nhau về vấn đề này. Có quan điểm cho rằng phòng vệ tưởng tượng không phải là một dạng của phòng vệ chính đáng vì rõ ràng không có hành vi tấn công thì không thể xuất hiện hành vi gọi là “phòng vệ”. Tuy nhiên, cũng có những quan điểm ngược lại về vấn đề trách nhiệm hình sự trong phòng vệ tưởng tượng và chia thành hai cách xử lý khác nhau như sau:

Một là, nếu căn cứ vào mọi tình tiết khách quan thấy rằng việc nhận định sai lầm của người phòng vệ tưởng tượng là có lý do chính đáng, có cơ sở thực tiễn mà bất cứ ai ở trong hoàn cảnh, điều kiện đó đều có những nhận định như vậy thì hành vi phòng vệ tưởng tượng nên được xem xét là phòng vệ chính đáng.

Ví dụ: A là người cho vay nặng lãi, ai nợ tiền A mà không trả thì A sẽ đánh và lấy đồ trong nhà để trừ dần vào tiền nợ, cứ như vậy A đã áp dụng đối với nhiều con nợ của mình, nên con nợ nào thấy A đến đòi tiền đều rất sợ hãi. C là một trong những con nợ của A (C mượn tiền vì lo cho mẹ già yếu, đau bệnh và C cũng từng bị A đánh, chửi mắng, lấy đồ, thậm chí xúc phạm mẹ C vì không có tiền trả nợ), ngày hôm đó C thấy A từ xa và biết rằng A đang đến đòi nợ mình và cũng biết rằng hôm nay mình không có đủ tiền trả và nghĩ rằng mình sẽ bị đánh như những lần trước, nên C đi lấy một khúc cây và chạy ra đánh liên tiếp vào vai và tay A, A bị thương tích 13%. Trong tình huống này, chúng ta thấy rằng mặc dù A chưa có hành vi tấn công C trước mà C đã chống trả (phòng vệ), nhưng trong hoàn cảnh như vậy thì C hành động không sai. Nếu trường hợp này, chúng ta xem hành vi của C là tội phạm và truy cứu trách nhiệm hình sự là quá nghiêm khắc với C và vô hình dung lại bảo vệ người có hành vi không đúng đắn như A.

Hai là, nếu việc nhận định sai lầm không có căn cứ chính đáng, chỉ là do thiếu suy nghĩ thận trọng, thiếu khách quan trong nhận định, nếu người khác ở vào hoàn cảnh đó, điều kiện đó chắc chắn sẽ không hành động như thế. Vì vậy, hành vi phòng vệ tưởng tượng không được xem xét là phòng vệ chính đáng và tất nhiên là sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự như những hành vi của tội phạm thông thường.

Tác giả luận văn này cũng đồng tình với hai quan điểm trên, về việc đặt hay không vấn đề trách nhiệm hình sự đối với hành vi phòng vệ tưởng tượng, bởi lẽ quan điểm này thể hiện rõ tính nhân đạo và quyền con người cần được tôn trọng trong Luật hình sự, bên cạnh đó góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm của toàn dân một cách tích cực và có hiệu quả, góp phần hiệu quả vào vấn đề cải cách tư pháp nước ta trong giai đoạn tới.

1.3. Các yếu tố tác động đến việc xác định phòng vệ chính đáng

1.3.1. Chất lượng của quy phạm pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng

Chất lượng của quy phạm pháp luật là một trong những cơ sở để bảo đảm cho việc thực hiện và áp dụng pháp luật đạt được kết quả cao trong thực tiễn. Chất lượng của quy phạm pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng đều cần đến hai yếu tố đó là hình thức và nội dung. Khi bàn về vấn đề này, thì theo PGS.TS Nguyễn Minh Đoan cho rằng: [8, tr. 51]

Đối với hình thức của một quy phạm pháp luật phải được xây dựng đúng thẩm quyền, có tên gọi phù hợp với nội dung thể hiện, hình thức rõ ràng, dễ thực hiện, trình độ kỹ thuật pháp lý cao có kết cấu chặt chẽ, lôgích; các thuật ngữ pháp lý phải được sử dụng chính xác, một nghĩa, lời văn trong sáng, ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với khả năng nhận thức của quảng đại quần chúng nhân dân.

Đối với nội dung của một quy phạm pháp luật phải phù hợp với sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội của đất nước và quan trọng hơn là nhu cầu khách quan của sự phát triển xã hội. Sự phù hợp của từng quy phạm pháp luật với đạo đức, văn hóa dân tộc, với thuần phong mỹ tục của đất nước, những điều này phản ánh được chất lượng của pháp luật, làm cho pháp luật được tôn trọng. Khi nói đến chất lượng của quy phạm pháp luật thì đầu tiên cần phải xác định đó là nhiệm vụ của quy phạm pháp luật đó. Trong hệ thống pháp luật của nước ta, mỗi ngành luật đều mang cho mình một nhiệm vụ nhất định trong việc xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Luật hình sự cũng đã nêu ra những nhiệm vụ cụ thể được quy định tại Điều 1:

“Bộ luật hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, tổ

chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội; đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Để thực hiện nhiệm vụ đó, Bộ luật quy định tội phạm và hình phạt đối với người phạm tội” [12]

Vấn đề cần nghiên cứu ở đây là chất lượng quy phạm pháp luật hình sự nói chung và phòng vệ chính đáng nói riêng, nếu chất lượng của những quy phạm pháp luật không cao thì kéo theo đó là việc áp dụng pháp luật không triệt để, đúng đắn và không đạt được những nhiệm vụ mà Bộ luật hình sự đã đặt ra. Khi nói về chất lượng của một quy phạm pháp luật thì theo tôi phải đạt những yêu cầu sau:

Thứ nhất, quy phạm pháp luật phải mang tính khả thi, có nghĩa là phải mang tính cấp thiết và áp dụng được trên thực tế.

Thứ hai, từ ngữ trong từng quy phạm pháp luật phải mang tính chất cụ thể, dễ hiểu, để không rơi vào trường hợp là mỗi người đọc và hiểu một cách khác nhau.

Thứ ba, quy phạm pháp luật phải chi tiết, không dài dòng và không mâu thuẫn hay chồng chéo với những quy phạm pháp luật khác.

Như đã nói, phòng vệ chính đáng là một trong những quy định thể hiện quyền con người, quyền công dân, có vai trò to lớn trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm của mọi người trong xã hội. Chế định phòng vệ chính đáng được quy định tại Điều 15 Bộ luật hình sự năm 1999 có sự thay đổi nhất định về khía cạnh lập pháp so với Bộ luật hình sự năm 1985 (Điều 13) mà sự thay đổi mấu chốt, quan trọng nhất của tư tưởng lập pháp là tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan áp dụng pháp luật có thể áp dụng chế định phòng vệ chính đáng một cách chính xác là việc thay thế cụm từ “*tương xứng*” bằng cụm từ “*cần thiết*”. Việc thay thế này thể hiện sự tiến bộ về mặt kỹ thuật lập pháp, ở chỗ nó

tạo cho các cơ quan áp dụng pháp luật có được sự chủ động, linh hoạt trong việc xác định những căn cứ đánh giá sự tương quan giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp, đồng thời nhằm loại trừ những đánh giá thuần túy mang tính cơ học là chỉ so sánh vũ khí giữa hai hành vi. Hay ở một số quốc gia lại sử dụng từ ngữ về nội dung này khác nhau, cách đặt tên cũng khác nhau như Bộ Luật hình sự của Liên Bang Nga năm 1996 tại Điều 38 “phòng vệ cần thiết”, Điều 36 của Bộ Luật hình sự Nhật Bản quy định “phòng vệ chính đáng”.

Nói đến chất lượng của quy phạm pháp luật hình sự thì một câu hỏi đặt ra liên quan đến quy định phòng vệ chính đáng là tại sao không dùng thuật ngữ “tự vệ” mà là “phòng vệ”, vậy cần phải thấy được rằng quy phạm pháp luật này đang nhằm điều chỉnh vấn đề gì?

Tự vệ là bản thân một người nào đó chống trả lại hành vi tấn công nhằm để bảo vệ lợi ích cho chính bản thân họ. Nhưng trong phòng vệ thì phạm vi của nó lớn hơn vì mục tiêu của hành vi phòng vệ không chỉ là bảo vệ lợi ích của bản thân người phòng vệ mà bảo vệ lợi ích chung của Nhà nước và của người khác.

Từ những phân tích trên, tác giả luận văn này có thể đánh giá được rằng chất lượng của quy phạm pháp luật về phòng vệ chính đáng là rất quan trọng, trong việc xác định quyền của con người, hay ranh giới giữa tội phạm và không phải tội phạm. Thuật ngữ trong quy phạm pháp luật dễ hiểu theo một nghĩa nhất định, thì giúp những người áp dụng pháp luật không bị mâu thuẫn trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nhất là có liên quan đến phòng vệ chính đáng, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm, đạt được những nhiệm vụ mà Bộ luật hình sự đã đặt ra.

1.3.2. Năng lực chuyên môn và ý thức trách nhiệm của những người áp dụng pháp luật

Một thực tế hiện nay cho thấy rằng, người áp dụng pháp luật có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả của việc đưa pháp luật vào thực tiễn. Để áp dụng đúng pháp luật người áp dụng pháp luật nói chung cần được trang bị những kiến thức chuyên môn nhất định và những kỹ năng không thể thiếu, nhưng quan trọng hơn hết là ý thức trách nhiệm. Một người áp dụng pháp luật dù có chuyên môn giỏi đến đâu mà không có trách nhiệm trong công việc cũng sẽ không cho ra một “sản phẩm” tốt.

Tiếc rằng vẫn còn, một số cán bộ áp dụng pháp luật nhận thức chưa đầy đủ, thậm chí chưa chính xác về các quy định pháp luật hình sự. Dẫn đến, việc vận dụng pháp luật trong mỗi vụ án hình sự cụ thể còn lúng túng, đánh giá không đúng tính chất và mức độ của hành vi nguy hiểm cho xã hội, không phân biệt được ranh giới giữa tội phạm và không phải là tội phạm, giữa phòng vệ chính đáng hay vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Mặc dù, về mặt thực tiễn hiện nay, trình độ của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm được nâng cao một cách đáng kể, song trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, bảo vệ pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân, đòi hỏi người áp dụng pháp luật tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và lý luận, đáp ứng các tiêu chuẩn Thẩm phán và các quy định khác trong Pháp lệnh về Thẩm phán và Hội thẩm. Đây là yêu cầu tất yếu và khách quan, để xây dựng cơ sở pháp lý, tuyển chọn một đội ngũ Thẩm phán có đạo đức nghề nghiệp tốt, có trình độ năng lực chuyên môn vững vàng, hoàn thành tốt nhiệm vụ xét xử trong thời gian tới.

Chế định phòng vệ chính đáng là chế định mang tính nhân đạo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người phòng vệ và cho phép người bị phòng vệ được “trùng trị” người tấn công trong giới hạn luật định. Vậy nếu như cán bộ áp

dụng pháp luật không có chuyên môn, không phân tích được những quy định của pháp luật và không phân tích được tình huống cũng như hành vi trong vụ án thì sẽ dễ gây ra xác định sai làm oan người vô tội, gây hoang mang trong xã hội. Còn đối với cán bộ không có trách nhiệm, giải quyết vụ án một cách qua loa, không đặt tinh thần bảo vệ quyền lợi cho người phòng vệ, hay lớn hơn là lợi ích của đất nước thì vô hình dung bỏ lọt tội phạm, hay làm oan người vô tội. Trong trường hợp này, người áp dụng pháp luật không những không bảo vệ được lợi ích hợp pháp của người khác mà còn tước đi lợi ích hợp pháp khác của họ. Rõ ràng, trình độ chuyên môn và ý thức trách nhiệm của những người làm công tác pháp luật nói chung có ảnh hưởng lớn trong việc bảo đảm nhiệm vụ của luật hình sự nói chung, chế định phòng vệ chính đáng nói riêng.

Cần nhấn mạnh rằng không phải ngẫu nhiên mà Nhà nước ta đang tăng cường xây dựng một đội ngũ cán bộ pháp luật mạnh về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm trong công tác pháp luật.

1.3.3. Ý thức pháp luật và dư luận xã hội

Ý thức pháp luật là tổng thể những học thuyết, tư tưởng, quan niệm, quan điểm thịnh hành trong xã hội, thể hiện mối quan hệ của con người đối với pháp luật hiện hành, pháp luật đã qua và pháp luật cần phải có, thể hiện sự đánh giá về tính hợp pháp hay không hợp pháp trong hành vi xử sự của con người, cũng như của tổ chức và hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Ý thức pháp luật tác động mạnh mẽ đến đường lối, chính sách của Nhà nước về pháp luật.

Những năm gần đây, do Nhà nước ta đã tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật một cách sâu, rộng nên đã mang lại những kết quả khả quan trong việc người dân biết được tầm quan trọng của pháp luật trong

đời sống, từ đó nhận thức đúng đắn và tự giác cùng Nhà nước đấu tranh phòng, chống tội phạm. Thời gian qua, người dân tích cực đưa ra ý kiến đóng góp cho các văn bản quy phạm pháp luật, những ý kiến đó đã được đánh giá là tích cực và mang tính thực tiễn cao. Xuất hiện trong cuộc sống của chúng ta nhiều tấm gương người tốt việc tốt (lập đội bắt cướp), nâng cao trách nhiệm của người dân trong việc bắt người phạm pháp, tố giác người phạm tội. Bên cạnh đó, vẫn còn đâu đó một bộ phận người dân trong xã hội chưa có ý thức pháp luật, họ còn thờ ơ với quy định của pháp luật hình sự, thậm chí là thờ ơ với những gì xảy ra trong thực tế. Một đám nữ sinh vây đánh một nữ sinh, thay vì mọi người can ngăn thì lại đứng xem, họ đứng xem vì nhiều lý do (xem cho vui, thích thú, hay chụp ảnh lại để mua vui cho bản thân mình trên các trang mạng xã hội), người chồng đánh vợ giữa đường thì mọi người cho rằng đó không phải việc của mình, xen vào làm gì, hay có chuyện gì mình phải chịu trách nhiệm. Người dân chưa thực sự ý thức được việc bảo vệ người khác cũng như bảo vệ bản thân mình. Đa số người dân (chưa được đào tạo pháp luật hình sự) thì họ nghĩ rằng luật hình sự là những tội danh và những hình phạt cơ bản, còn phòng vệ chính đáng là gì, họ rất mơ hồ (phải chăng người khác đánh mình, mình đánh lại là phòng vệ chính đáng). Nếu người dân không có hoặc có nhưng chưa đầy đủ ý thức pháp luật hình sự cũng như nhận thức không đúng về chế định phòng vệ chính đáng, thì mục đích và ý nghĩa của chế định phòng vệ chính đáng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm khó mà đạt được.

Dur luận xã hội được hiểu là tập hợp các ý kiến có tính chất phán xét, đánh giá của các nhóm xã hội hay của xã hội nói chung trước những vấn đề mang tính thời sự có liên quan đến lợi ích chung, thu hút được sự quan tâm của nhiều người và được thể hiện trong những nhận định hoặc hành động thực tiễn của họ. Hiện nay, nhờ khoa học kỹ thuật, thông tin liên lạc, báo chí phát

triển mạnh mẽ, mà tất cả những thông tin của đất nước nói chung đều được người dân nắm bắt kịp thời, không chỉ vậy họ còn đưa ra những ý kiến, quan điểm của mình về một vấn đề xảy ra trong xã hội. Pháp luật cũng không phải là ngoại lệ. Hiện nay ở nước ta, từ những thông tin pháp luật xuất hiện hằng ngày trên các mặt báo, trong đó có và những vụ án hình sự nói riêng, người đọc (người tiếp nhận thông tin qua báo đài) đưa ra những luồng tranh luận khác nhau và đây cũng là nhân tố ảnh hưởng đến những người làm luật nói chung và những người tiến hành tố tụng nói riêng trong việc giải quyết vụ án hình sự. Do nhận thức pháp luật của mỗi người là khác nhau, không phải ai cũng được tiếp cận và phân tích được những quy phạm pháp luật hình sự và phòng vệ chính đáng cũng không ngoại lệ.

Dư luận xã hội có những mặt tích cực và tiêu cực dựa vào các nguồn tin mà từ đó hình thành. Nếu nó hình thành dựa vào nguồn tin xác thực thì sẽ trở thành thông tin hữu ích nói lên những gì mà mọi người nghĩ về sự việc đó, còn nếu hình thành khi không có căn cứ hoặc dựa vào nguồn thông tin không rõ ràng cho dù là cố ý hay vô ý thì nó vẫn có thể tạo ra cái gọi là “tin đồn nhảm” và có thể bị sử dụng cho một mục đích nào đó. Dư luận xã hội đôi khi lại xâm phạm rất mạnh mẽ đến quyền riêng tư của cá nhân cho dù là đúng hay không đúng.

Dư luận xã hội có ảnh hưởng đến việc giáo dục con người, nó tác động đến ý thức con người, chi phối ý thức của cá nhân. Đa số con người đều quan tâm đến dư luận xã hội đánh giá hành vi của mình, có huynh hướng giữ gìn, bảo vệ những đánh giá tích cực, sửa chữa sai sót đáp ứng những đòi hỏi của dư luận xã hội đối với bản thân của mỗi người. Từ đó, dư luận xã hội có thể chê hoặc khen, động viên hoặc phê phán, khuyến khích hoặc công kích những biểu hiện đạo đức, hành vi của cá nhân hoặc nhóm người trong xã hội, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, buộc cá nhân phải đi vào khuôn

khô của đạo đức và pháp luật. Chúng ta phải công nhận rằng, dư luận xã hội lan truyền rộng và có tốc độ cao, từ đây thấy được sự tham gia mạnh mẽ vào việc phổ biến pháp luật nói chung và luật hình sự nói riêng liên quan đến chế định phòng vệ chính đáng. Việc công khai tạo điều kiện cho nhân dân tham gia vào việc đóng góp ý kiến về văn bản quy phạm pháp luật nói chung, đã đem lại hiệu quả trong việc tuyên truyền pháp luật của Nhà nước, huy động được trí tuệ tập thể và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, nâng cao ý thức pháp luật của người dân và nâng cao trách nhiệm của của những cán bộ công tác pháp luật.

Dư luận xã hội là một phương tiện giáo dục pháp luật hết sức hiệu quả, là một trong những yếu tố giúp phòng ngừa những hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời thúc đẩy ý thức nhân đạo của mỗi người lên cao. Chúng ta phải công nhận một điều, không ai sống ngoài hoặc “đạp lên” dư luận, chính vì thế, khi một người thực hiện hành vi trái pháp luật hoặc thấy người khác bị xâm hại mà không cứu giúp thì luôn bị dư luận bàn tán và lập tức có thái độ lên án và phản đối gay gắt. Mỗi khi lợi ích cá nhân bị xâm hại hoặc lợi ích chung của đất nước, dư luận xã hội sẽ lên tiếng mạnh mẽ nhằm gây sức ép ngăn chặn đối với những hành vi đó. Chúng ta đều thấy được những mặt tích cực của dư luận xã hội đối với pháp luật, nhưng đâu đó dư luận xã hội lại không ít những mặt tiêu cực và điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến an ninh trật tự, sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của quốc gia, nghiêm trọng hơn, những thế lực thù địch có thể lợi dụng dư luận xã hội (nhất là trong pháp luật hình sự), xuyên tạc những quy định của pháp luật hình sự, từ đó truyền bá những tư tưởng phản động, chống lại Nhà nước. Như đã phân tích, dư luận xã hội mang lại những lợi ích rất lớn cho việc thực hiện pháp luật chế định phòng vệ chính đáng trong luật hình sự nước ta, nếu dư luận xã hội đưa ra những ý kiến tích cực, phản ánh đúng bản chất của chế định, còn nếu không

hiều biết, tự tiện đưa ra ý kiến thì dễ dẫn đến những hậu quả không tốt như: sự thờ ơ, vô tâm, vô cảm, sợ bị liên lụy nếu cứu người khi thấy người đó bị tấn công. Hoặc đưa ra những ý kiến kém hiểu biết, nhận xét sai người áp dụng pháp luật, sai quan điểm của Nhà nước, ví dụ: tại sao A cầm dao đuổi chém B chưa chém được thì đã bị B giật được dao, sau đó B đã cầm dao đó và đuổi chém ngược lại A cho đến chết. Tòa tuyên B có tội do đã vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Nếu dư luận xã hội có sự hiểu biết pháp luật thì biết rằng việc làm của B là sai, tòa quyết định đúng người đúng tội. Nhưng nếu dư luận lại đánh giá rằng thẩm phán sai, không công bằng, thậm chí pháp luật cũng sai, thì điều này là quá nguy hiểm.

Ảnh hưởng của dư luận xã hội đối với pháp luật hình sự nói chung và chế định phòng vệ chính đáng nói riêng là vô cùng quan trọng, cần nâng cao hơn và xây dựng dư luận xã hội mang tính văn minh, nhằm không bỏ lọt tội phạm, không làm oan, sai người vô tội, góp phần bảo vệ đất nước trong vòng trật tự.

Kết luận chương 1

Qua những phân tích trên, những nhà làm luật, cán bộ áp dụng pháp luật, cũng như những người nghiên cứu khoa học luật hình sự đã xác định được tầm quan trọng của phòng vệ chính đáng bởi bản chất và ý nghĩa của nó, từ đó hình thành điều kiện cần thiết của quyền phòng vệ chính đáng, và những yếu tố tác động đến việc xác định đúng đắn nội dung của quyền này, giúp các nhà làm luật có nhận thức chính xác, làm tiền đề cho những quy định cụ thể trong Bộ luật hình sự nước ta.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về phòng vệ chính đảng

2.1.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam trước năm 1985 về phòng vệ chính đảng

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, khi nghiên cứu những quy định của pháp luật phong kiến Việt Nam, đặc biệt là Bộ luật Hồng Đức (1470-1497), các nhà nghiên cứu nhận thấy trong luật mặc dù không có những quy định mang tính khái quát, tập trung về các trường hợp (tình tiết) loại trừ trách nhiệm hình sự nói chung và về trường hợp phòng vệ chính đảng (tự vệ chính đảng) nói riêng, nhưng đã có những quy định cụ thể, đơn lẻ nằm rải rác trong Đạo luật. Chẳng hạn, Điều 450 Bộ luật Hồng Đức quy định:

“Những kẻ ban đêm vô cớ vào nhà người ta thì xử tội đồ, chủ nhân đánh chết ngay lúc ấy thì không phải tội”. Hay Điều 485 quy định: “Ông bà, cha mẹ bị người ta đánh, con cháu đánh lại mà không bị què, gãy, bị thương, thì không phải tội, bị thương, què thì phải tội kém tội đánh bị thương người thường ba bậc; đánh chết thì bị tội nhẹ hơn luật thường một bậc...”

Sau cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, đất nước đang dần dần thay đổi về mọi mặt trong đời sống xã hội, sau đó ngày 09/11/1946 bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta đã được Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua, đánh dấu một bước ngoặt cho lập pháp của nước ta, cùng với những thắng lợi trên thì với đại thắng mùa xuân năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nhà nước được thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cả nước bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cũng bắt đầu từ giai đoạn này, Nhà nước ta đã nhận thức được tầm quan trọng của pháp

luật trong đời sống xã hội, ban hành ra hàng loạt các văn bản nhằm bảo vệ những lợi ích chung của Nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của mọi người trong xã hội.

Trước khi có Bộ luật hình sự đầu tiên năm 1985, Tòa án nhân dân tối cao cũng có Chỉ thị số 07 ngày 22/12/1983 về việc xét xử các hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc trong khi thi hành công vụ. Theo tinh thần của Chỉ thị 07/CT và sau này là Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khỏe của người khác được coi là phòng vệ chính đáng khi có đầy đủ các dấu hiệu sau đây: [13][21][22]

- Hành vi xâm hại những lợi ích cần phải bảo vệ phải là hành vi phạm tội hoặc rõ ràng là có tính chất nguy hiểm đáng kể cho xã hội;

- Hành vi nguy hiểm cho xã hội đang gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại thực sự và ngay tức khắc cho những lợi ích cần phải bảo vệ;

- Phòng vệ chính đáng không chỉ gạt bỏ sự đe dọa, đẩy lùi sự tấn công, mà còn có thể tích cực chống lại sự xâm hại, gây thiệt hại cho chính người xâm hại;

- Hành vi phòng vệ phải cần thiết với hành vi xâm hại, tức là không có sự chênh lệch quá đáng giữa hành vi phòng vệ với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại.

Cần thiết không có nghĩa là thiệt hại do người phòng vệ gây ra cho người xâm hại phải ngang bằng hoặc nhỏ hơn thiệt hại do người xâm hại đe dọa gây ra hoặc đã gây ra cho người phòng vệ.

Để xem xét hành vi chống trả có cần thiết hay không, có rõ ràng là quá đáng hay không, thì phải xem xét toàn diện những tình tiết có liên quan đến hành vi xâm hại và hành vi phòng vệ như: khách thể (quan hệ xã hội) bị xâm hại và khách thể cần bảo vệ; mức độ thiệt hại do hành vi xâm hại có thể gây

ra hoặc đã gây ra và do hành vi phòng vệ gây ra; vũ khí, phương tiện, phương pháp mà hai bên đã sử dụng; nhân thân của người xâm hại; cường độ của sự tấn công và của sự phòng vệ; hoàn cảnh và nơi xảy ra sự việc... Đồng thời cũng phải chú ý yếu tố tâm lý của người phải phòng vệ có khi không thể có điều kiện để bình tĩnh lựa chọn được chính xác phương pháp, phương tiện chống trả thích hợp, nhất là trong trường hợp họ bị tấn công bất ngờ.

Sau khi đã xem xét một cách đầy đủ, khách quan tất cả các mặt nói trên mà nhận thấy rõ ràng là trong hoàn cảnh sự việc xảy ra, người phòng vệ đã sử dụng những phương tiện, phương pháp rõ ràng quá đáng và đã gây thiệt hại rõ ràng quá mức đối với hành vi xâm hại thì coi hành vi chống trả là không cần thiết và là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Ngược lại, nếu hành vi chống trả là cần thiết thì đó là phòng vệ chính đáng.

Như vậy, tinh thần của Chỉ thị số 07/CT của Tòa án nhân dân tối cao (đã nêu) tuy chỉ là văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, nhưng qua thực tiễn xét xử, văn bản trên được sử dụng như là một văn bản giải thích chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về chế định phòng vệ chính đáng. Tuy nhiên, do còn hạn chế về nhiều mặt nên cả về lý luận cũng như thực tiễn xét xử, văn bản trên chưa quy định một cách đầy đủ những dấu hiệu của chế định phòng vệ chính đáng, nên thực tiễn xét xử có không ít trường hợp còn có nhận thức rất khác nhau về phòng vệ chính đáng.

2.1.2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1985 về phòng vệ chính đáng

Bộ Luật hình sự năm 1985 là Bộ luật hình sự đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua ngày 27/6/1985, đánh dấu một bước phát triển mạnh mẽ trong lập pháp và thể hiện được quyền lực Nhà nước trong công cuộc bảo vệ lợi ích chung của toàn xã hội bằng việc quy định tội phạm, hình phạt và một số chế định quy định khác có liên quan đến tội

phạm và hình phạt, trong đó có chế định phòng vệ chính đáng theo Điều 13 Bộ luật hình sự 1985 thì:

“Phòng vệ chính đáng là hành vi vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ lợi ích chính đáng của mình, của người khác mà chống trả lại một cách tương xứng người có hành vi xâm phạm đến các lợi ích nói trên.

Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm”.[11]

Phân tích quy định tại Điều 13 Bộ luật hình sự năm 1985 có thể thấy nhà làm luật Việt Nam quy định các điều kiện để một hành vi phòng vệ được coi là chính đáng, theo đó, phải có hành vi đang tấn công xâm phạm lợi ích mà pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi chống trả của người phòng vệ phải mang tính tương xứng với hành vi tấn công.

Sau đó, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 05/01/1986 hướng dẫn một số quy định của Bộ luật hình sự với nội dung nhắc lại Chỉ thị 07/CT ngày 22/12/1983 trước đây như sau:

Hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khỏe của người khác được coi là phòng vệ chính đáng khi có đầy đủ các dấu hiệu sau đây:

- Hành vi xâm hại những lợi ích cần phải bảo vệ phải là hành vi phạm tội hoặc rõ ràng là có tính chất nguy hiểm đáng kể cho xã hội;
- Hành vi nguy hiểm cho xã hội đang gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại thực sự và ngay tức khắc cho những lợi ích cần phải bảo vệ;
- Phòng vệ chính đáng không chỉ gạt bỏ sự đe dọa, đẩy lùi sự tấn công, mà còn có thể tích cực chống lại sự xâm hại, gây thiệt hại cho chính người xâm hại;
- Hành vi phòng vệ phải cần thiết với hành vi xâm hại, tức là không có sự chênh lệch quá đáng giữa hành vi phòng vệ với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại.

Cần thiết nói trong Nghị quyết số 02 nói trên như đã nhấn mạnh không

có nghĩa là thiệt hại do người phòng vệ gây ra cho người xâm hại phải ngang bằng hoặc nhỏ hơn thiệt hại do người xâm hại đe dọa gây ra hoặc đã gây ra cho người phòng vệ. Như vậy, để xem xét hành vi chống trả có cần thiết hay không, có rõ ràng là quá đáng hay không, thì phải xem xét toàn diện những tình tiết có liên quan đến hành vi xâm hại và hành vi phòng vệ như: khách thể (quan hệ xã hội) cần bảo vệ; mức độ thiệt hại do hành vi xâm hại có thể gây ra hoặc đã gây ra và do hành vi phòng vệ gây ra; vũ khí, phương tiện, phương pháp mà hai bên đã sử dụng; nhân thân của người xâm hại; cường độ của sự tấn công và của sự phòng vệ; hoàn cảnh và nơi xảy ra sự việc... Ngoài ra, cũng phải chú ý yếu tố tâm lý của người phải phòng vệ có khi không thể có điều kiện để bình tĩnh lựa chọn được chính xác phương pháp, phương tiện chống trả thích hợp, nhất là trong trường hợp họ bị tấn công bất ngờ. Nếu sau khi đã xem xét một cách đầy đủ, khách quan tất cả các mặt nói trên mà nhận thấy rõ ràng là trong hoàn cảnh sự việc xảy ra, người phòng vệ đã sử dụng những phương tiện, phương pháp rõ ràng quá đáng và đã gây thiệt hại rõ ràng quá mức thì bị coi là không cần thiết và là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Ngược lại, nếu hành vi chống trả là cần thiết thì đó là phòng vệ chính đáng.

Như vậy, trong suốt quá trình thi hành Bộ luật hình sự năm 1985 thì chế định phòng vệ chính đáng không bị chỉnh sửa mặc dù Bộ luật đã trải qua bốn năm sửa đổi bổ sung (28/12/1987, 12/8/1991, 22/12/1992 và 10/5/1997). Sự ổn định đó cũng phần nào khẳng định tính hợp lý, tính khoa học, chính xác về mặt kỹ thuật lập pháp của chế định này đối với việc áp dụng điều luật đó trong thực tiễn xét xử các vụ án hình sự. Tuy nhiên thực tiễn áp dụng pháp luật về phòng vệ chính đáng đặt ra nhu cầu nhìn nhận lại chế định này một cách đầy đủ hơn, chính xác hơn; chỉ ra được những mặt tích cực cũng như hạn

chế trong việc áp dụng chế định phòng vệ chính đáng vào thực tế đời sống xã hội.

2.1.3. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về phòng vệ chính đáng

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ các lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, của công dân trong xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, các nhà làm luật đã quy định chế định phòng vệ chính đáng tại Điều 15 Bộ luật hình sự năm 1999 so với quy định của Bộ luật hình sự năm 1985, quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 có thay đổi thể hiện ở thuật ngữ “chống trả lại một cách tương xứng” được thay bằng thuật ngữ “chống trả lại một cách cần thiết”. Cần lưu ý rằng, sự thay đổi đó là cả sự thay đổi về cách tiếp cận tính chất của hành vi chống trả cho đúng với bản chất của phòng vệ, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội. Năm 2009, Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999, nhưng quy định về phòng vệ chính đáng không có gì thay đổi. Nội dung Điều luật quy định như sau:

“Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm đến các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm”.

Việc phân tích chế định phòng vệ chính đáng được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 cho thấy, Nhà nước cho phép mọi công dân trong trường hợp cần thiết có quyền thực hiện hành vi phòng vệ chống lại sự tấn công bảo vệ lợi ích hợp pháp, tuy nhiên cũng cần phải đáp ứng được những điều kiện nhất định của pháp luật. Tuy nhiên, để phòng tránh những trường hợp lợi dụng hành vi phòng vệ chính đáng để phạm tội, pháp luật hình sự Việt Nam quy định khá chặt chẽ những điều kiện của phòng vệ chính đáng gồm

hai nhóm:

*** Nhóm 1: Những điều kiện thuộc về hành vi của sự xâm phạm**

Trong nhóm thứ nhất này gồm các điều kiện sau:

Một là, Có hành vi xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, tổ chức và lợi ích hợp pháp của con người. Trong Hiến pháp Việt Nam và pháp luật Việt Nam nói chung đều khẳng định rằng quyền con người là một quyền tối thượng cần phải được mọi xã hội xác lập và bảo vệ, một trong các quyền của con người thì có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Pháp luật luôn coi trọng và bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, Bộ Luật hình sự Việt Nam là một trong những căn cứ vô cùng quan trọng hướng tới bảo vệ quyền con người, bảo vệ các lợi ích của Nhà nước, của xã hội, của tổ chức. Từ đó có thể khẳng định rằng mọi hành vi xâm phạm đến những lợi ích hợp pháp trên cần phải loại trừ trong xã hội, đây cũng là một trong những điều kiện xác định hành vi xâm hại đó có phải là tội phạm hay không!

Hai là, đó phải là hành vi trái pháp luật. Nhà nước sử dụng pháp luật để bảo vệ các quan hệ xã hội bằng cách quy định chế tài để áp dụng đối với người có hành vi vi phạm. Ngoài ra, nhằm ngăn ngừa, hạn chế thiệt hại cho các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ do hành vi tấn công gây ra, Nhà nước còn quy định cho mọi công dân được quyền chống trả lại hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp. Quyền phòng vệ chính đáng được đặt ra trong thực tế khi một người đứng trước hành vi trái pháp luật đang hiện tại xảy ra hoặc đe dọa xảy ra ngay tức khắc xâm phạm đến lợi ích chính đáng của Nhà nước, của tập thể, lợi ích chính đáng của mình hay của người khác.

Tính trái pháp luật của hành vi xâm hại thể hiện nó phải là hành vi nguy hiểm ở mức độ đáng kể. Hành vi nguy hiểm tuy có dấu hiệu khách quan của một tội phạm cụ thể nhưng không nhất thiết phải là hành vi phạm tội.

Tính trái pháp luật biểu hiện về mặt pháp lý của tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Như vậy, hành vi xâm hại phải là hành vi trái pháp luật, nếu không phải là hành vi trái pháp luật thì không ai được phép chống trả (ví dụ: cầm dao chém người, cầm súng bắn...).

Sẽ không có phòng vệ chính đáng nếu hành vi xâm hại là của người làm công vụ được pháp luật cho phép. Trên thực tế đấu tranh phòng, chống tội phạm có những trường hợp hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp của người khác do người có chức trách trong bộ máy Nhà nước hoặc tổ chức xã hội thực hiện. Việc chống trả lại hành vi xâm phạm của người thi hành công vụ không được coi là phòng vệ chính đáng (ví dụ: Trường hợp chiến sĩ công an truy bắt tội phạm thì việc chống trả lại của tội phạm không được coi là hành vi phòng vệ chính đáng). Chỉ khi có những điều kiện sau thì công dân mới được quyền thực hiện hành vi chống trả:

Thứ nhất, hành vi của người có thẩm quyền rõ ràng là trái pháp luật.

Thứ hai, người phòng vệ thấy được tính trái pháp luật và tin chắc rằng việc chống trả lại nhà chức trách là để bảo vệ lợi ích nào đó của xã hội, của bản thân trước một hành vi phạm tội hoặc ít nhất là nguy hiểm của người có thẩm quyền.

Ví dụ: cán bộ công an thi hành lệnh bắt người, trong khi người bị bắt không bỏ chạy cũng không dùng vũ lực chống cự lại, nhưng cán bộ thi hành lại dùng vũ lực đánh đập người bị bắt gây nguy hiểm đến tính mạng người bị bắt, vì cán bộ công an cho rằng người bị bắt thực hiện hành vi giết người nên rất nguy hiểm. Rõ ràng, hành vi đánh người của cán bộ công an là không đúng, thì trong trường hợp này người bị bắt có quyền chống cự.

Như vậy, hành vi trái pháp luật cho dù của nhà chức trách vẫn là hành vi nguy hiểm cho xã hội và cần phải được xử lý theo quy định chung nhưng điều kiện để công dân thực hiện quyền phòng vệ của mình trong trường hợp

này là cần phải nhận thấy một cách rõ ràng về tính trái pháp luật của hành vi. Nếu như hành vi trái pháp luật của nhà chức trách chưa thực sự rõ ràng thì mọi công dân đều phải tuân thủ theo mệnh lệnh. Chính vì thế khi phòng vệ, công dân phải cực kỳ thận trọng và cần nhắc kĩ càng. Tuy nhiên, trong thực tiễn có nhiều trường hợp người phòng vệ cho rằng hành vi của nhà chức trách rõ ràng là trái pháp luật do có sự hiểu lầm, trên thực tế hành vi đó lại hợp pháp và được pháp luật cho phép. Theo nguyên tắc hành vi chống trả lại hành vi hợp pháp thì không thể coi là phòng vệ chính đáng mặc dù về mặt chủ quan người phòng vệ thực sự hiểu lầm về tính hợp pháp của hành vi xâm hại. Như vậy, chỉ khi nào việc hiểu lầm của người phòng vệ là có căn cứ, có cơ sở khách quan làm cho nhiều người có thể tưởng lầm rằng hành vi của nhà chức trách là trái pháp luật thì người đó mới được miễn trách nhiệm hình sự.

Ba là, hành vi xâm hại phải có tính hiện tại. Nghĩa là hành vi xâm hại phải đang diễn ra hoặc đe dọa xảy ra ngay tức khắc diễn ra. Có hành vi phòng vệ đồng nghĩa với việc phải có sự tồn tại của hành vi xâm hại đang xảy ra trên thực tế. Tuy nhiên, hành vi tấn công xâm hại đến các lợi ích hợp pháp có thể diễn ra ở những trạng thái khác nhau như: Chuẩn bị tấn công, đang diễn ra hành vi tấn công, sự tấn công đã kết thúc. Trong các trạng thái đó, pháp luật hình sự quy định điều kiện của hành vi phòng vệ chính đáng là hành vi tấn công phải *đang* diễn ra (đã bắt đầu nhưng chưa kết thúc).

Bốn là, hành vi xâm hại phải có tính hiện hữu. Điều này đòi hỏi hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại có xảy ra trên thực tế và hành vi chống trả nhằm ngăn chặn hành vi tấn công, bảo vệ lợi ích bị xâm hại, hành vi phòng vệ được xem là hợp pháp khi hành vi tấn công là có thật. Sự tấn công của hành vi xâm hại phải có thật, không phải do suy đoán tưởng tượng. Tuy nhiên, nhằm tạo điều kiện cho người phòng vệ có thể chủ động, phản ứng kịp thời có hiệu quả chống trả lại sự tấn công, thực tiễn cho thấy, có trường hợp

đặc biệt cho phép họ thực hiện quyền phòng vệ ngay cả khi hành vi xâm hại chưa xảy ra trong thực tế nhưng có đủ cơ sở để xác định có thể xảy ra ngay tức khắc nếu không kịp thời ngăn chặn có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, nếu như người thực hiện hành vi phòng vệ chỉ được thực hiện khi hành vi xâm hại đang diễn ra thì sẽ không còn có hiệu quả nữa.

Ví dụ: Nguyễn Văn H đang cùng bạn gái đi dạo, thì gặp một nhóm thanh niên và những người này có lời lẽ chọc ghẹo khó nghe đối với bạn gái H. H lên tiếng nói: “các anh nói thế là xúc phạm đến bạn gái tôi”, nhóm thanh niên đó trả lời “chúng tao thích như vậy, thậm chí là đánh luôn mày”, ngay tức khắc, nhóm thanh niên gồm 5 người chạy đến tấn công anh H, dùng tay đánh liên tục vào mặt anh H và bạn gái anh, cùng lúc đó anh H nhặt được khúc gỗ dài 40 cm đánh lại những người đang tấn công mình và anh H đã đánh gãy tay một tên trong nhóm, lập tức nhóm dừng ngay hành vi tấn công anh H và đưa tên bị gãy tay đến bệnh viện. Từ đây có thể thấy được những điều kiện của hành vi xâm hại đã đầy đủ: Hành vi của nhóm thanh niên rõ ràng xâm hại lợi ích hợp pháp được pháp luật bảo vệ (đến sức khỏe của anh H và bạn gái); hành vi đó gây nguy hiểm đáng kể cho xã hội và đã trái pháp luật (tấn công người khác vô cớ); hành vi nhóm thanh niên là có thật, đã bắt đầu và vẫn chưa kết thúc (đánh anh H và bạn gái cho đến khi anh H chống trả lại và có người bị thương thì hành vi đánh anh H mới kết thúc)

*** Nhóm 2: Những điều kiện thuộc về tính chất của hành vi phòng vệ**

Nhóm này có các điều kiện sau đây:

Một là, mục đích của hành vi phòng vệ phải nhằm bảo vệ các lợi ích hợp pháp - lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền và lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác. Những đối tượng này đang đứng trước mối đe dọa nguy hiểm trên thực tế cụ thể là quyền tài sản, quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc các lợi ích hợp pháp khác nằm

trong các quan hệ xã hội được Bộ luật hình sự bảo vệ.

Hai là, phòng vệ chính đáng phải gây thiệt hại cho chính người đang có hành vi tấn công - nguồn nguy hiểm. Điều kiện này xuất phát từ mục đích của sự phòng vệ là ngăn chặn hành vi nguy hiểm cho xã hội do đó phải nhằm vào chính nguồn nguy hiểm, có như vậy nguồn gốc làm phát sinh hành vi tấn công xâm phạm lợi ích hợp pháp mới bị loại trừ.

Hành vi chống trả của người phòng vệ chỉ được chấp nhận khi gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe cho người có hành vi tấn công chứ không được gây các thiệt hại khác như về tài sản, danh dự hay nhân phẩm bởi vì “*Chỉ cần gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe cho người đang có hành vi tấn công đã đủ làm tê liệt nguồn gốc làm phát sinh sự tấn công, bảo vệ lợi ích hợp pháp nên gây thiệt hại cho các lợi ích khác của người tấn công là không cần thiết*” và pháp luật hình sự không coi hành vi gây thiệt hại đến tài sản, danh dự, nhân phẩm cho người có hành vi tấn công là phòng vệ chính đáng. [10, tr.]

Ba là, hành vi phòng vệ chỉ được coi là chính đáng khi đó là hành vi chống trả ở mức cần thiết. Đây là vấn đề phức tạp có thận trọng làm rõ vì nó liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người thực hiện hành vi phòng vệ. Việc xác định tính “*cần thiết*” nhằm phân định rõ ranh giới đâu là hành vi phòng vệ chính đáng, đâu là hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng bị pháp luật quy định là tội phạm để có thể truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Chính vì ý nghĩa quan trọng của việc xác định sự tương xứng và cần thiết của hành vi phòng vệ đối với hành vi tấn công nên Tòa án nhân dân tối cao trong nhiều năm đã có các văn bản hướng dẫn quy định các căn cứ đánh sự tương quan giữa các hành vi đó là Chỉ thị số 07/TANDTC ngày 22/12/1983 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo các văn bản hướng

dẫn đó thì việc xác định mức độ tương xứng và cần thiết giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công không có nghĩa là sự ngang bằng về mặt cơ học, tức là người tấn công sử dụng công cụ phương tiện gì thì người phòng vệ cũng sử dụng công cụ phương tiện đó hoặc người có hành vi tấn công gây hại đến mức độ nào thì người phòng vệ cũng được quyền gây thiệt hại đến mức độ đó mà sự tương xứng ở đây là về tính chất và mức độ giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công, có đánh giá hành vi tấn công cũng như hoàn cảnh cụ thể, các mối tương quan khác khi xảy ra sự việc và đánh giá sự tương xứng đó với quan điểm biện chứng, nhìn nhận sự việc trong mối quan hệ tổng hòa với các mối quan hệ khác và trong trạng thái vận động. Tựu chung lại, về cơ bản chúng ta có thể dựa vào những căn cứ sau đây:

- Căn cứ *thứ nhất*: Dựa vào tính chất mối quan hệ xã hội bị xâm hại (khách thể), hành vi xâm hại đến mối quan hệ xã hội càng quan trọng thì cường độ của hành vi phòng vệ phải càng cao thì mới có thể chống trả được.

- Căn cứ *thứ hai*: Dựa vào tính chất của hành vi tấn công dưới góc độ phương pháp tấn công, công cụ, phương tiện được sử dụng, cường độ tấn công. Nếu phương pháp tấn công càng tinh vi, sử dụng công cụ phương tiện nguy hiểm cùng cường độ tấn công lớn thì đòi hỏi sự chống trả phải ở mức quyết liệt mới có khả năng bảo vệ lợi ích hợp pháp.

- Căn cứ *thứ ba*: Dựa vào số lượng (quy mô) người tham tấn công.

- Căn cứ *thứ tư*: Dựa vào sự quyết tâm (ý chí) của người tấn công, nếu người đó quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng đòi hỏi hành vi chống trả phải kiên trì và quyết liệt.

- Căn cứ *thứ năm*: Dựa vào không gian, thời gian, địa điểm và hoàn cảnh cụ thể khác khi xảy ra sự việc.

Ngoài ra, khi đánh giá mức độ cần thiết giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công cần đánh giá tổng hợp những căn cứ nêu trên đồng thời

cũng phải chú ý xem xét thái độ tâm lý của người phòng vệ bởi vì thông thường trong điều kiện cấp bách khi xảy ra hành vi tấn công thì người thực hiện hành vi phòng vệ có thể khó có thể có được sự bình tĩnh, sáng suốt để lựa chọn cách thức, công cụ cũng như mức độ gây thiệt hại phù hợp cho người tấn công. Chính vì thế nên Bộ luật hình sự năm 1999 quy định chỉ khi nào có sự không tương xứng một cách rõ ràng giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công thì hành vi phòng vệ mới bị coi là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Từ quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng, cũng như những phân tích trên, thì về nguyên tắc, khi có đầy đủ những điều kiện làm phát sinh quyền phòng vệ, thì người phòng vệ có thể dùng vũ lực chống trả ngay mà không cần phải đợi đến khi đó là sự lựa chọn cuối cùng hoặc sự lựa chọn tốt nhất hoặc không còn cách nào khác. Nhưng trong một số tình huống xảy ra trên thực tế, khi sự xâm hại đến từ một người rơi vào tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự do mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà dẫn đến mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi, với điều kiện là người phòng vệ biết tình trạng của người tấn công thì người phòng vệ chọn cách bỏ chạy trước, cho đến khi sự bỏ chạy không có hiệu quả thì sự chống trả bằng vũ lực mới được xem xét.

Ví dụ 1: A và B là hàng xóm với nhau, A biết rõ B đang bị bệnh tâm thần dẫn đến mất khả năng nhận thức. Một hôm, A qua nhà B để tìm mẹ của B, nhưng bất ngờ B vác dao đuổi chém A. A lập tức bỏ chạy, nhưng B vừa đuổi theo vừa chửi mắng A, đang chạy thì A bị vấp 1 khúc gỗ và té, lúc đó B đã tiến sát và giơ dao lên chém, thì cùng lúc đó A nhặt khúc gỗ lên đánh mạnh vào chân phải của B, làm B bị gãy chân.

Ví dụ 2: Nguyễn Văn Thắng và Nguyễn Thông đã có mâu thuẫn từ việc tranh chấp ranh đất, hai bên lời qua tiếng lại, có khi xô xát với nhau. Một

hôm, sau khi Nguyễn Văn Thắng sử dụng ma túy đá, thì vác nhau qua nhà Thông để chém Thông, vừa đi vừa la hét “Giết chết mày, giết chết mày”, Thắng lập tức xông vào nhà, chém lung tung, lúc này Thông lấy khúc củi to sau bếp, đánh mạnh vào tay phải đang cầm dao của Thắng, làm Thắng bị gãy cổ tay phải.

2.1.4. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về phòng vệ chính đáng

So với Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung 2009 thì Bộ luật hình sự 2015 không thay đổi nhiều về chế định phòng vệ chính đáng, cụ thể tại Điều 22 đã quy định:

“ Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải tội phạm ”. [15]

Quy định về nội dung trong phòng vệ chính đáng của Bộ luật hình sự năm 2015 cũng không khác nhiều so với quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, phòng vệ chính đáng (Điều 22) có đảo cụm từ “vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác” lên trước cụm từ “lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức” trong trường hợp phòng vệ chính đáng. Cũng tương tự như trên, cụm từ “vì muốn tránh gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác” lên trước cụm từ “lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức” trong trường hợp tình thế cấp thiết. Việc đảo vị trí của quyền hoặc lợi ích chính đáng (quyền hoặc lợi ích hợp pháp) của con người, của công dân lên trước lợi ích của Nhà nước, cơ quan, tổ chức là phù hợp với tinh thần Hiến pháp năm 2013, ưu tiên bảo vệ quyền con người, quyền công dân – “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được

công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” (Điều 14 Hiến pháp) [15]. Bên cạnh đó, thực tiễn xét xử cũng đã cho thấy rằng, dù là được xem xét là phòng vệ chính đáng hay vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì người phòng vệ luôn ở trong tình trạng bị hành vi khác tấn công hoặc xâm hại đến lợi ích trực tiếp của người phòng vệ, hay cũng chỉ là những người thân của người có hành vi phòng vệ.

Như đã nêu, ngoài việc chú trọng quyền con người – quyền công dân nên đã sắp xếp lại thứ tự ưu tiên các lợi ích trong chế định phòng vệ chính ra thì không thay đổi về cách quy định, cũng như những thuật ngữ pháp lý. Trong khi đó thực tiễn áp dụng chế định phòng vệ chính đáng của BLHS năm 1999 cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đã gặp rất nhiều khó khăn và vướng mắc, khó phân định rõ ràng ranh giới giữa phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Nay, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi 2017) sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018 thì vẫn chưa có những quy định cụ thể, cũng như chưa có những văn bản hướng dẫn thi hành thấu đáo hơn. Điều này sẽ tiếp tục gây ra những sai lầm trong việc áp dụng pháp luật của người tiến hành tố tụng. Từ việc quy định không cụ thể, rõ ràng trong luật dẫn đến người áp dụng hiểu theo ý chí chủ quan.

2.2. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về phòng vệ chính đáng

2.2.1. Thực tiễn áp dụng đúng phòng vệ chính đáng

Trong khi thống kê, thu thập các vụ án hình sự liên quan đến chế định phòng vệ chính đáng ở nước ta, tác giả luận văn này thấy rằng các trường hợp phòng vệ chính đáng hoặc vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là không nhiều, bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có thể kể đến nguyên nhân người bị tấn công bởi tâm lý “sợ vướng vào vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” nên nhiều trường hợp đã không chống trả. Thứ hai, quy định về phòng

vệ chính đáng mang tính định tính khái quát nên rất khó áp dụng dẫn đến thực trạng là các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, người tiến hành tố tụng hình sự rất ít áp dụng chế định này, trừ những trường hợp “quá rõ ràng”. Tuy nhiên, ngay cả những trường hợp rõ ràng đó, cách xử lý cũng rất khác nhau. Vụ án dưới đây là một minh chứng. Vụ án có nội dung như sau:

Ngày 21 tháng 7 năm 2010, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2010/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2010 đối với bị cáo Hoàng Văn Lượng do có kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn Lượng đối với bản án sơ thẩm 23/2010/HSST, ngày 21/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc thì nội dung vụ án như sau:

Theo lời khai của bị cáo Hoàng Văn Lượng thì do hai bên có mâu thuẫn từ trước nên khoảng 7 giờ ngày 22/10/2009 bị cáo Hoàng Văn Lượng từ nhà ở thôn Nục Liêng, xã Xuân Long đi nhà bạn ở Bản Tàng xã Xuân Long, khi Nà Hâm thuộc thôn Nục Liêng khoảng 40m dừng lại để tiểu tiện thì bị ông Hoàng Văn An người cùng thôn bất ngờ đá một phát vào mông, Lượng quay lại đấm một phát vào mặt ông An, rồi hai người giằng co xô đẩy nhau, ông An bị tụt xuống ta luy bờ suối và túm được chân Lượng, Lượng đã dùng tay đẩy ông An ngã xuống suối rồi bỏ chạy vào làng Nà Mạ thuộc thôn Nục Liêng, xã Xuân Long. Sau đó ông An lên được và cầm gậy đuổi theo Lượng và hô giết đi. Khi Lượng chạy đến đường rẽ vào nhà anh Lý Văn Hưng thì An đuổi kịp và dùng gậy đánh một phát vào chân trái của Lượng, Lượng quay lại đá một phát vào bụng An làm An ngã ngửa ra sau. Sau đó, Lượng chạy đến một đồng củi để cách đó khoảng 8 m rút lấy đòn gánh dài khoảng 1 m rộng khoảng 2,5 cm một đầu vót nhọn quay lại đánh nhau với An, An lùi dần về phía sau khoảng 6m thì bị ngã tiếp, khi An ngã Lượng vẫn dùng gậy đập nhiều nhát vào người ông An, lúc này chị Hoàng Thị Bình là con gái ông An chạy đến dùng dao quắm tra cán gõ chém Lượng, Lượng dùng đòn gánh đỡ

làm dao rơi xuống đất, Lượng cúi xuống nhặt con dao của chị Bình thì lúc này An tiếp tục cầm gậy xông vào đánh Lượng, Lượng giơ tay đỡ và đập một phát vào trán ông An làm An chảy máu, rồi Lượng đập tiếp vào tay ông An, lúc này nhiều người can nên sự việc dừng lại.

Bản giám định pháp y số 304/2009/TTPY ngày 24 tháng 11 năm 2009 của trung tâm giám định pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận ông An mất 16% sức khỏe.

Tại án hình sự sơ thẩm số 23/2010/HSST ngày 21 tháng 4 năm 2010 Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc đã quyết định:

Tuyên bố Hoàng Văn Lượng phạm tội cố ý gây thương tích. Áp dụng khoản 2 Điều 104, các điểm đ, p khoản 1 Điều 46 phạt bị cáo 2 năm tù giam và buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 10.476.000 đ, xác nhận đã bồi thường 1.000.000 đ, còn bồi thường tiếp 9.476.000 đ.

Sau đó, trong thời hạn luật định bị cáo Hoàng Văn Lượng đã kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ phòng vệ chính đáng theo quy định tại Điều 15 BLHS, yêu cầu xem xét lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Căn cứ vào kết quả thẩm tra chứng cứ tài liệu tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, bị hại các nhân chứng, các luật sư.

Xét thấy:

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn Lượng khai bị cáo và ông An có mâu thuẫn từ trước do việc tranh chấp đất rừng, con ông An và bị cáo đã xô xát. Nên sáng ngày 22/10/2009 tại khu vực bờ suối Nà Hầm thuộc thôn Nục Liêng xã Xuân Long ông Hoàng Văn An bất ngờ đá vào mông bị cáo khi bị cáo đang đứng tiêu tiện cạnh đường, sau đó hai người giằng co, xô đẩy nhau, ông An bị tụt xuống bờ suối khi đó An túm chân bị cáo nhưng bị cáo đã đẩy được

An rơi xuống bờ suối và bị cáo vội vàng bỏ chạy về phía làng Nà Mạ thuộc thôn Nục Liêng. Sau đó An lên được cầm gậy đuổi theo bị cáo và hô giết đi, giết đi. An đuổi đến đường rẽ vào nhà anh Lý Văn Hưng thì kịp và dùng gậy đập mạnh vào chân trái Lượng để lại dấu vết sau này Công an đã khám xét lập biên bản ghi lại.

Do bị An đuổi và đánh vào chân nên Lượng đã đá vào bụng An làm An ngã và Lượng chạy đến gánh củi cách chỗ An ngã theo mô tả của bản kết luận điều tra là 8m, rút được đòn gánh ở gánh củi ra thì An cầm gậy xông vào Lượng nên hai người lại dùng gậy đánh nhau, An lùi lại khoảng 6m (theo kết luận điều tra thì bị ngã ngựa). Lúc này chị Hoàng Thị Bình sinh năm 1979 là con gái ông An cầm dao quắm tra cán gỗ xông vào chém Lượng, bị Lượng gạt rơi dao xuống đất, Lượng cúi xuống nhặt con dao của chị Bình thì lúc này An cầm gậy xông vào Lượng nên Lượng dùng đòn gánh đỡ và đánh lại An ngay làm An bị thương vào trán và tay chảy máu, đến đây sự việc dừng lại và mọi người cũng vào can. Sự việc và những diễn biến của vụ án được các nhân chứng tại phiên tòa phúc thẩm công nhận.

Xét thấy việc ông An cầm gậy đuổi theo Lượng và hô giết đi, giết đi và đánh nhau bằng gậy ở gần gánh củi và gây náo động cả khu vực đó, có sự xác nhận của các nhân chứng tại phiên tòa ngày hôm nay là anh Hưng, chị Văn, chị Ngân, chị Hợi có mặt tại phiên tòa.

Với sự việc diễn biến trên, kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo, tuyên bố bị cáo không có tội, hủy toàn bộ án sơ thẩm, đình chỉ vụ án.

Xét do bị An tấn công nhiều lần, Lượng chỉ chống trả một cách hợp pháp và cho đến khi An bị thương thì An mới chấm dứt hành vi tấn công của mình và Lượng cũng đã dừng lại hành vi phòng vệ. Như vậy, hành vi của Lượng được xem là chống trả hợp pháp và thỏa mãn những điều kiện tại Điều 15 BLHS hiện hành, chứ không phải cấu thành tội cố ý gây thương tích, vì

Lượng không hề chủ động gây thương tích cho An. Vì vậy, cơ quan có thẩm quyền khôi phục lại các quyền và lợi ích hợp pháp của Lượng trong quá trình tiến hành tố tụng theo luật định.

Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định:

“1. Chấp nhận kháng cáo, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 23/2010/HSST ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Lượng không có tội, đình chỉ vụ án.

2. Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án”

Tác giả luận văn này đồng tình với quyết định của tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, bởi lẽ, diễn biến của vụ án trên cho tôi thấy được rằng thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Điều 15 BLHS hiện hành, cụ thể:

Thứ nhất, hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp - cơ sở làm phát sinh quyền phòng vệ chính đáng. Xuất phát từ hành vi tấn công thì làm phát sinh quyền phòng vệ chính đáng và nếu không có hành vi tấn công xâm hại các lợi ích hợp pháp thì không có phòng vệ chính đáng. Ở đây, ông An có hành vi dùng cây đuổi đánh anh Lượng và luôn miệng kêu rằng “giết nó, giết nó”, chị Bình thì có hành vi dùng dao quắm chém anh Lượng, mặc dù trước đó anh Lượng bị tấn công đã bỏ chạy nhưng ông An và chị Bình thay phiên nhau tấn công anh Lượng nhằm xâm hại đến lợi ích hợp pháp của anh Lượng. Việc tấn công của các đối tượng này là ngay tức khắc và đe dọa trực tiếp đến tính mạng và sức khỏe của anh Lượng.

Thứ hai, hành vi tấn công phải tồn tại có thật và đang diễn ra chứ không phải do suy đoán tưởng tượng. Sự tấn công phải có thật, có nghĩa là sự xâm hại đối với những lợi ích được pháp luật bảo vệ đang gây thiệt hại thực sự hoặc đe dọa ngay tức khắc cho những lợi ích hợp pháp cần được pháp luật

bảo vệ. Đối chiếu với nội dung vụ án cho thấy, khi anh Lượng bắt ngờ bị ông An đá khi đang đứng tiểu tiện, anh Lượng đã giăng co và đẩy ông An xuống bờ suối, lập tức anh Lượng đã bỏ chạy để tránh sự tấn công của ông An. Nhưng diễn biến của sự việc cho thấy ông An không hề muốn dừng lại hành vi của mình, mà lại tiếp tục cầm gậy đuổi theo Lượng, cuối cùng gặp được Lượng và đã tấn công bằng gậy, Lượng cũng lấy đòn gánh đỡ, sau đó chị Bình lại dùng dao tấn công khi thấy ông An bị té ngã ngựa. Tại thời điểm này, tính mạng, sức khỏe của anh Lượng đang bị 2 đối tượng đe dọa xâm hại ngay tức khắc thật sự. Nếu anh Lượng không dùng đòn gánh chống trả liên tiếp những hành vi tấn công trên, hoặc nếu anh Lượng không đỡ được nhát dao của chị Bình thì anh Lượng sẽ ra sao?, hoặc nếu anh Lượng không gây thương tích cho ông An thì sự việc sẽ diễn biến thế nào, liệu ông An không bị thương thì có dừng hành vi tấn công Lượng không? Tôi suy diễn điều này là có căn cứ, sau bao nhiêu lần bị anh Lượng làm té, ông An vẫn không buông bỏ ý định tấn công Lượng.

Thứ ba, *phòng vệ chính đáng không chỉ gạt bỏ sự đe dọa, đẩy lùi sự tấn công mà còn có thể phải gây thiệt hại cho chính người đang có hành vi tấn công.* Bộ luật hình sự quy định hành vi phòng vệ phải gây thiệt hại cho chính người đang có hành vi tấn công chứ không được gây thiệt hại cho lợi ích của người khác. Quy định này xuất phát từ mục đích, yêu cầu của phòng vệ chính đáng, muốn ngăn chặn được sự tấn công bảo vệ được lợi ích hợp pháp người có hành vi phòng vệ phải hướng sự chống trả của mình vào việc gây thiệt hại cho người đang có hành vi tấn công. Có như vậy nguồn gốc làm phát sinh hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp mới bị loại trừ tận gốc. Anh Lượng dùng đòn gánh chống trả cả 02 hành vi tấn công mình là hợp pháp, gây thương tích 16% cho ông An (người đang có hành vi tấn công, xâm hại đến lợi ích của anh Lượng), có nghĩa là hành vi của anh Lượng gây thiệt hại cho

ông An đang có hành vi tấn công nhằm đẩy lùi sự tấn công để bảo vệ lợi ích cho chính đáng của mình.

Thứ tư, Hành vi phòng vệ chỉ được coi là chính đáng khi hành vi đó là hành vi chống trả cần thiết. Như vậy, ở đây chúng ta cần xem xét hành vi phòng vệ của anh Lượng (Lượng giơ tay đỡ và đập một phát vào trán ông An làm An chảy máu) có thực sự “cần thiết” không?. Theo tôi với diễn biến trên của vụ án thì tôi thấy hành vi chống trả của anh Lượng là hoàn toàn cần thiết và hợp lý. Bởi lẽ, cần nhìn nhận rằng, mọi chuyện xảy ra đều do ông An, chúng ta nhìn tổng thể hành vi, chứ không chỉ trên vũ khí của cả người tấn công lẫn người phòng vệ. Khi ông An bắt ngờ đá vào người anh Lượng, thì lúc này anh đã ngăn chặn bằng cách đẩy ông An xuống bờ suối rồi bỏ chạy, nhưng ông An đã lên được và cầm gậy đuổi theo Lượng và luôn miệng kêu “giết đi”, ngay lúc đó, An đuổi kịp và dùng gậy đánh một phát vào chân trái của Lượng, Lượng quay lại đá một phát vào bụng An làm An ngã ngửa ra sau. Sau đó, Lượng chạy đến một đồng củi để cách đó khoảng 8 m rút lấy đòn gánh dài khoảng 1 m rộng khoảng 2,5 cm một đầu vót nhọn quay lại đánh nhau với An, An lùi dần về phía sau khoảng 6m thì bị ngã tiếp, khi An ngã Lượng vẫn dùng gậy đập nhiều nhất vào người ông An, lúc này chị Hoàng Thị Bình là con gái ông An chạy đến dùng dao quắm tra cán gỗ chém Lượng, Lượng dùng đòn gánh đỡ làm dao rơi xuống đất, Lượng cúi xuống nhặt con dao của chị Bình thì lúc này An tiếp tục cầm gậy xông vào đánh Lượng, Lượng giơ tay đỡ và đập một phát vào trán ông An làm An chảy máu. Chúng ta đều thấy rằng, anh Lượng là người phòng vệ, còn bên có hành vi tấn công có 2 người (trong đó chị Bình cầm dao chém), rõ ràng lực lượng không tương quan, vũ khí lúc này cũng không còn tương quan. Khi anh Lượng đánh vào trán làm An chảy máu thì An không còn tấn công Lượng nữa, khi chị Bình chém nhưng dao bị rút cũng đã dừng lại hành vi tấn công, cùng lúc này cho

thấy Lượng cũng không còn có hành vi chống trả nữa. Rõ ràng, anh Lượng đã gây thương tích 16% cho ông An nhưng hành vi đó là tích cực, chủ động phòng ngừa để đấu tranh phòng, chống tội phạm.

2.2.2. Thực tiễn áp dụng không đúng phòng vệ chính đáng và nguyên nhân

2.2.2.1. Thực tiễn áp dụng không đúng phòng vệ chính đáng

Ranh giới giữa phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được ghi nhận trong pháp luật là rất mong manh. Trong khi đó, các hành vi xảy ra trên thực tế rất đa dạng và phong phú. Chính vì vậy, trong thực tiễn áp dụng pháp luật về phòng vệ chính đáng vẫn xảy ra những trường hợp áp dụng không đúng pháp luật. Vụ án dưới đây là một minh chứng. Nội dung vụ án như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 31/12/2010 bị cáo Nguyễn Minh Giàu cùng Lữ Hoàng Thao, Thạch Khỏe cùng ngụ tại ấp Kinh Đào, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải và Ngô Văn Rợn ngụ tại ấp Xóm chùa, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải đến quán chị Phan Thị Điệp ngụ ấp Cái Cối, xã Long Vĩnh tổ chức uống rượu. Cùng thời điểm này tại nhà anh Hồng Văn Cường ngụ tại ấp Cái Cối, xã Long Vĩnh cũng tổ chức uống rượu gồm có: Hồng Dẻo, Hồng Hữu Nghĩa, Hồng Văn Phép, Sơn Sa Rết và Kim Văn Tân ngụ cùng ấp.

Khi uống hết rượu thì anh Sa Rết đưa cho Nghĩa 20.000 đồng đi mua rượu, Nghĩa đến quán chị Điệp mua rượu thì gặp bị cáo Giàu đang ngồi nhậu trước cửa quán. Lúc này Rợn hỏi bị cáo Giàu có biết thằng đó không? (tức Nghĩa) và mời uống rượu thì bị cáo Giàu nói “nó con nít mà uống gì”, nhưng Rợn vẫn mời nhưng Nghĩa lại không uống mà mang rượu đã mua về. Trên đường về Nghĩa gặp Dẻo, Nghĩa hỏi Dẻo “sao anh về sớm vậy?”, Dẻo nói “say rượu uống không nổi thì về”. Nghĩa kêu Dẻo “đợi em đi với, hồi nãy có mấy thằng kiếm chuyện với em ở quán chị Điệp”, Dẻo không nói gì mà bỏ đi đến quán

của chị Điệp. Nghĩa mang rượu về nhà anh Cường rồi chạy bộ đến quán chị Điệp thì đã thấy Dẻo đến trước rồi, Dẻo đến bàn của bị cáo Giàu đang ngồi uống rượu hỏi “thằng nào lúc này đòi đánh em tao?” Thì bị cáo Giàu trả lời “có ai đòi đánh đâu, chỉ mời rượu thôi mà”, bị cáo Giàu đứng lên vỗ nhẹ vào vai Dẻo năn nỉ. Lúc này Nghĩa chỉ vào mặt bị cáo Giàu và nói “Thằng này lúc trước chửi cha tao” Nghĩ sẽ có chuyện nên bị cáo Giàu lấy chìa khóa xe đưa cho Rợn ra xe để đi về, khi Rợn đến xe thì bị Nghĩa rút dây thắt lưng đánh trúng vào mặt Rợn và bị té ngã, thấy vậy Thao và Khỏe bỏ chạy vào bên trong quán, Nghĩa tiếp tục tấn công Rợn, Rợn cũng bỏ chạy vào bên trong quán. Cùng lúc đó Dẻo dùng tay phải đánh trúng bị cáo Giàu một cái vào mặt, bị cáo Giàu chạy được 2, 3 bước thì bị Dẻo dùng tay trái nắm cổ áo kéo lại, bị cáo Giàu quay người sang trái nhìn lại thì bị Dẻo dùng dao Thái Lan đâm một cái, mũi dao trượt vào cổ tay trái gây rách da, tiếp tục bị cáo Giàu trườn về phía trước bỏ chạy đến vách quán của chị Điệp, nhưng không chạy được nữa vì bị Dẻo nắm chặt cổ áo kéo giật lại, bị cáo Giàu quay người lại thì bị Dẻo đâm tiếp cái thứ hai lần này trúng vào bụng. Lúc này bị cáo Giàu dùng tay trái chụp lấy cổ tay phải của Dẻo đang cầm dao rồi đâm lại liên tiếp hai cái vào bụng Dẻo, Dẻo buông tay nắm cổ áo của bị cáo Giàu ra, Dẻo chạy được 2, 3 bước kêu lên “tao bị lòi ruột rồi”, sau đó té ngã. Bị cáo Giàu dùng tay trái bịt vết thương đi đến chỗ Dẻo nằm, ngồi xuống ném bỏ con dao bên cạnh và dùng tay phải sờ vào bụng, sờ lên mũi của Dẻo thấy thở khọt khẹt. Rồi chết tại chỗ. Sau đó bị cáo Giàu chạy được khoảng 25m thì té xuống bất tỉnh, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh, đến ngày 10/01/2011 thì xuất viện.

Căn cứ vào biên bản khám nghiệm tử thi ngày 01/01/2011 và kết luận giám định pháp số 04 ngày 03/01/2011 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Trà Vinh thì bị hại Hồng Dẻo nguyên nhân dẫn đến tử vong là do mất

máu cấp. Căn cứ giấy chứng nhận thương tích số 35 ngày 14/01/2011 của bệnh viện đa khoa Trà Vinh và kết luận giám định pháp y số 43 ngày 17/01/2011 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Trà Vinh thì Giàu có tỷ lệ thương tật chung của Giàu là 38,22%.

Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Giàu phạm tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” áp dụng khoản 1 Điều 96 BLHS, xử phạt bị cáo “một năm sáu tháng tù”.

Từ diễn biến của vụ án, tôi có những nhận định sau đây:

Thứ nhất, hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp - cơ sở làm phát sinh quyền phòng vệ chính đáng. Vụ án trên đây cho thấy rằng: Dẻo và Nghĩa đã gây sự trước với nhóm của Giàu, trước đó Giàu đã nói chuyện lịch sự để không xảy ra cãi vã (Dẻo đến bàn của bị cáo Giàu đang ngồi uống rượu hỏi “thằng nào lúc nãy đòi đánh em tao?” Thì bị cáo Giàu trả lời “có ai đòi đánh đâu, chỉ mời rượu thôi mà”, bị cáo Giàu đứng lên vỗ nhẹ vào vai Dẻo năn nỉ), nhưng 02 đối tượng Nghĩa và Dẻo lại có hành vi tấn công nhóm của Giàu, đặc biệt là đối với hành vi tấn công của Dẻo là dùng tay nắm, nắm cổ áo, dùng dao thái lan đâm nhằm gây tổn hại đến tính mạng, sức khỏe của anh Giàu, hành vi tấn công này đã đe dọa ngay tức khắc đến lợi ích hợp pháp của anh Giàu.

Thứ hai, hành vi tấn công phải tồn tại có thật và đang diễn ra chứ không phải do suy đoán tưởng tượng. Như đã phân tích ở yếu tố đầu tiên, anh Giàu không hề muốn gây sự, khi thấy Dẻo hung hăng thì anh đã năn nỉ, tiếp đó Dẻo lại cố ý muốn tấn công anh Giàu (Dẻo dùng tay phải đánh trúng bị cáo Giàu một cái vào mặt, bị cáo Giàu chạy được 2, 3 bước thì bị Dẻo dùng tay trái nắm cổ áo kéo lại), khi bị đánh lần đầu Giàu không hề chống trả mà lại bỏ chạy với hi vọng không bị đánh nữa, nhưng Dẻo không dừng lại mà tiếp tục nắm cổ áo của Giàu kéo lại và bắt đầu hành vi tấn công bằng vũ khí mãnh liệt

hơn (Giàu quay người sang trái nhìn lại thì bị Đéo dùng dao Thái Lan đâm một cái, mũi dao trượt vào cổ tay trái gây rách da, tiếp tục bị cáo Giàu trườn về phía trước bỏ chạy đến vách quán của chị Diệp, nhưng không chạy được nữa vì bị Đéo nắm chặt cổ áo kéo giật lại), trong lúc này Giàu đã bị thương nhưng vẫn không hề chống trả mà chỉ cố gắng chạy để thoát ra khỏi sự tấn công bằng hung khí của Đéo, nhưng dường như hành vi tấn công của Đéo chưa muốn dừng lại, cho thấy rằng Đéo có hành vi mang tính côn đồ (muốn giải quyết sự việc bằng vũ lực, coi thường pháp luật) và mong muốn thực hiện tội phạm đến cùng (Giàu quay người lại thì bị Đéo đâm tiếp cái thứ hai lần này trúng vào bụng), ngay tại lúc này tính mạng của anh Giàu đang bị xâm hại nghiêm trọng, nếu anh Giàu không phản kháng thì có lẽ người chết là Giàu chứ không phải Đéo.

Thứ ba, phòng vệ chính đáng không chỉ gạt bỏ sự đe dọa, đẩy lùi sự tấn công mà còn có thể phải gây thiệt hại cho chính người đang có hành vi tấn công. Trong Bộ luật hình sự quy định, khi xuất hiện hành vi tấn công thì người bị tấn công có quyền phòng vệ bằng cách gây thiệt hại lại cho người đang có hành vi tấn công xâm phạm đến lợi ích hợp pháp, còn nhằm ngăn chặn, đẩy lùi hành vi xâm hại. Gây thiệt hại trong phòng vệ chính đáng là gây thiệt hại đến lợi ích của người trực tiếp thực hiện hành vi tấn công, nghĩa là không được gây thiệt hại cho người khác. Trong phòng vệ thì không thể đợi đến lúc hành vi tấn công gây thiệt hại thật sự thì hành vi phòng vệ mới được gây thiệt hại, nếu vậy thì không đạt được mục đích chung là bảo vệ lợi ích và đấu tranh phòng, chống tội phạm. Sự việc anh Giàu cố gắng quay lại chụp được tay Đéo đang cầm dao và đâm ngược lại Đéo, xâm phạm đến tính mạng của người có hành vi tấn công nhằm bảo vệ tính mạng của mình thì hoàn toàn hợp pháp, Giàu đã chống trả để bảo vệ lợi ích hợp pháp của bản thân mình.

Thứ tư, Hành vi phòng vệ chỉ được coi là chính đáng khi hành vi đó là hành vi chống trả cần thiết. Như đã phân tích trong phần quy định của pháp luật hình sự, thuật ngữ “cần thiết” không dễ dàng để áp dụng trong khi chưa có một văn bản nào hướng dẫn cụ thể, dẫn đến những cách hiểu máy móc và áp dụng cũng máy móc như thuật ngữ “tương xứng”, do vậy, chúng ta không phải chỉ nhìn nhận ở hành vi tấn công hay thiệt hại mà kẻ tấn công gây ra, hay thậm chí là không thể nhìn vào thiệt hại do hành vi phòng vệ gây ra để đo lường là “tương xứng” hay “cần thiết”. Tại vụ án này, chúng ta xem xét sự “cần thiết” ở đây có hay không! chúng ta cần đánh giá, xem xét toàn bộ một chuỗi các sự kiện trong vụ án chứ không nên chỉ đơn thuần so sánh người phòng vệ cso sử dụng hung khí không? còn đối tượng xâm hại sử dụng cái gì?, nhưng rõ ràng trong vụ án này, người phòng vệ không có hung khí, người xâm hại lại dùng dao thái lan. Hay chúng ta so sánh, người phòng vệ đã gây ra thiệt hại chết người (Đèo chết), còn người xâm hại đã gây ra thiệt hại sức khỏe (Giàu bị thương 38,22%).... thì đã vội vàng kết luận hành vi của người phòng vệ là vượt quá. Tại hiện trường, một mình anh Giàu bị tấn công bởi Đèo, Giàu sau khi bị đánh đã cố gắng chạy để tránh sự tấn công dồn dập của Đèo, Đèo liên tiếp dùng dao thái lan đâm Giàu, lần đầu do Giàu tránh được nên chỉ bị xước, nhưng lần thứ hai Đèo cố tình đâm vào bụng của Giàu, nếu Giàu không quay lại phòng vệ thì chắc rằng Đèo sẽ lại tiếp tục đâm Giàu. Khi Giàu bỏ chạy nhiều lần nhưng không thành, ngược lại bị thương rất nặng (38,22%), thì không còn cách nào khác phải bảo vệ tính mạng cho mình (Giàu dùng tay trái chụp lấy cổ tay phải của Đèo đang cầm dao rồi đâm lại liên tiếp hai cái vào bụng Đèo, Đèo buông tay nắm cổ áo của bị cáo Giàu ra, Đèo chạy được 2, 3 bước kêu lên “tao bị lòi ruột rồi”, sau đó té ngã), chúng ta thấy rằng Giàu chỉ chụp được cổ tay của Đèo chứ chưa tước được con dao đó ra, việc Giàu cầm cổ tay Đèo và đâm liên tiếp 2 cái đó là quán tính của con người

(nên lưu ý rằng Giàu đang bị thương nặng), khi Giàu đâm như vậy, Giàu không nghĩ rằng mình làm Dẻo chết, Giàu tiếp tục lo sợ Dẻo sẽ lại tấn công mình bằng chứng là (Giàu dùng tay trái bịt vết thương đi đến chỗ Dẻo nằm, ngồi xuống ném bỏ con dao bên cạnh và dùng tay phải sờ vào bụng, sờ lên mũi của Dẻo thấy thở khọt khẹt), hành động ngồi xuống ném bỏ con dao cho thấy rõ Giàu không nghĩ Dẻo chết. Nếu thật sự muốn giết Dẻo, thì tại sao lúc đó Giàu không nhặt dao lên và đâm cho Dẻo chết để trả thù? Vì lúc đó Giàu còn biết Dẻo đang thở vẫn chưa chết. Mặc dù, hành vi của anh Giàu đã thực sự xâm phạm đến tính mạng của Dẻo, nhưng hành vi đó hoàn toàn “cần thiết” và hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 15 BLHS hiện hành. Anh Giàu không phải tội phạm.

Bởi những lẽ trên, tác giả luận văn này hoàn toàn không đồng ý với bản cáo trạng của Viện kiểm sát cũng như bản án của Tòa án cho rằng anh Giàu phạm tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”. Trong vụ án này, cho tôi thấy 3 vấn đề lớn: một là từ cơ quan áp dụng pháp luật (người áp dụng pháp luật) đã không đánh giá chi tiết từng hành vi trong vụ án, không đặt vào điều kiện hay hoàn cảnh của người phòng vệ mà xét xử; hai là chính người phòng vệ (người dân) chưa hiểu hết quy định của pháp luật để thực sự được bảo vệ quyền lợi của mình; ba là, trong vụ án trên chúng ta thấy có rất nhiều người, nhưng có ai tham gia vào can ngăn hành vi của Dẻo không?, bởi vì họ sợ liên lụy, tại sao phải bảo vệ cho người khác nếu có chuyện xảy ra thì chính mình lại phải chịu trách nhiệm, một thực trạng đau lòng hiện nay. Tại sao người có hành vi tấn công như Dẻo lại được pháp luật bảo vệ, còn người có hành vi như Giàu lại bị coi là sai, là tội phạm.

Thực tiễn áp dụng pháp luật cho thấy có không ít những vụ án được coi là phòng vệ chính đáng, bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có những nguyên nhân xác định không chính xác phòng vệ chính đáng hay

vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng mà, vụ án tiếp theo đây là một minh chứng:

Vụ án có nội dung như sau: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 16/6/2016 Trương Bá T (1975) ở tỉnh Bắc Ninh đi xe mô tô BKS 99T1-2664 đến trung tâm điều dưỡng thương binh tại tỉnh Bắc Ninh, tại đây T gặp ông Trần Hoài N (1950), là thương binh hạng $\frac{1}{4}$ mất sức lao động 91%, đang ở phòng số 10 dãy nhà A3, khi T vào phòng ông N đang nằm trên giường, T hỏi ông N “nhà thằng Q ở chỗ nào?”, lúc này ông N hỏi lại T “chú quen Q thế nào?” thì T nói tục “Tao hỏi mày cứ trả lời” vừa nói T vừa lấy mũ cối đang đội trên đầu, dơ lên đánh vào đầu ông N, nhưng N dơ hai tay lên đầu đỡ nên mũ chỉ trúng vào tay, khi T giơ mũ lên thì ông N nói xin T, đồng thời nói và chỉ “Nhà Q ở bên kia”. Ngay lúc đó, T đi sang nhà Lê Ngọc Q (1958, thương binh hạng $\frac{1}{4}$ mất 100% sức lao động) thì thấy cửa phòng đóng, T vừa gọi cửa vừa dùng tay đập vỡ toàn bộ kính chắn cửa nên kính đã đâm vào cổ tay phải của T làm chảy máu, tiếp đó T dùng chân đạp bung cửa rồi đi vào phòng. Sau khi đi vào phòng T vừa chửi vừa tiến đến giường Q đang nằm, T dùng mũ cối đánh 03 cái liên tiếp vào vùng đầu Q, bị T đánh Q đã bấm chuông gọi cấp cứu, sau đó T đi ra ngoài. Thấy T đi ra ngoài, Q đã xuống xe lăn ngồi và bảo Hoàng Thị M (vợ Q) ra chốt cửa lại. Khoảng 5 phút sau, anh Nguyễn Đình C là y tá của trung tâm nghe thấy tiếng chuông cấp cứu đã đến phòng Q, thấy anh C đến T quay trở lại và đi vào phòng Q, sau khi được chị M mở cửa C và T vào phòng, lúc này Q đang ngồi xe lăn, T tiến đến chỗ Q chửi và dùng mũ cối đánh liên tiếp vào vùng đầu Q, Q giơ tay lên đỡ, liền đó T lấy cốc thủy tinh uống nước để trên bàn ném trúng hõm mũi Q làm sây xước nhẹ. Tiếp theo T dùng tay trái lấy phích nước sôi đang để trên bàn uống nước và tay phải ghi đầu Q xuống để đổ nước vào đầu Q, nhưng do vướng nắp, nước không đổ ra. Vì bị T hành hung liên tiếp, Q đã lấy con dao chuôi nhựa màu vàng, lưỡi kim loại có 1

cạnh sắc, đầu nhọn, dao dài 22 cm, phần lưỡi dài 12 cm, để trên bàn uống nước, Q cầm dao đâm 1 nhát vào ngực trái của T, tiếp đó Q rút dao ra khua ngang về phía người T trúng cẳng tay trái T, còn 2 nhát trúng hõm nách trái T. Sau khi bị đâm T đi ra đến khu vực cây si cách cửa phòng Q 5,7 m thì gục ngã và tử vong.

Tại cáo trạng số 67/Ctr-VKS-P2 ngày 13/10/2016 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Lê Ngọc Q về tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo khoản 1 Điều 95 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo Q khai: giữa bị cáo với anh T không có mối quan hệ gì mà chỉ biết anh T là người sinh sống tại địa phương nơi bị cáo đang điều trị. Khoảng hơn 12 giờ 30 phút (bị cáo không nhớ ngày), bị cáo đang nằm xem ti vi thì nghe thấy tiếng chửi, sau đó bị cáo nhìn thấy anh T đập vỡ cửa kính và đập cửa ra vào, anh T dùng mũ cối đập vào mặt và má bị cáo 4 cái. Bị cáo bấm chuông gọi cán bộ. Vợ bị cáo nằm ở giường trong nhìn thấy thế, sợ nên không dám can ngăn. Khi anh T đi ra ngoài, vợ bị cáo ra chốt cửa. Sau đó, anh T lại đập cửa xông vào. Lúc anh C (cán bộ trung tâm) đã ra ngoài, bị cáo xuống ngồi tại xe lăn thì anh T tiếp tục dùng mũ cối đập 02 đến 03 cái nữa vào đầu bị cáo. Sau đó, anh T cầm cốc thủy tinh ném thẳng vào mặt làm bị cáo bị thương ở sống mũi và dùng tay trái ghì đầu bị cáo xuống, dùng tay phải cầm phích nước nóng dội vào đầu bị cáo, bị cáo với được con dao gọt hoa quả để trên bàn ti vi đâm vào người anh T, gạt rơi phích nước. Anh T bị dao gạt vào tay nên bị đứt tay. Sau đó, T quay ra cửa.

Sau lời khai của bị cáo, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm buộc tội bị cáo theo khoản 1 Điều 95, bởi lẽ: Trong vụ án này anh T đã đến đánh bị cáo Q 02 lần, bị cáo đã tỏ ra bực bội. Lần thứ 2 anh T đến không có hung khí gì, bị cáo Q có đủ sức khỏe để chống trả nhưng bị cáo đã dùng dao đâm nhiều nhát vào người anh T.

Sau khi tòa án đã xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án, diễn biến vụ án, lời khai của những người tham gia tố tụng, tuyên bố bị cáo Lê Ngọc Q phạm tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”, áp dụng khoản 1 Điều 96, xử phạt 20 tháng tù.

Từ diễn biến vụ án, tác giả luận văn này lại không đồng tình với quan điểm của cả hai cơ quan tiến hành tố tụng bởi:

Thứ nhất, quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng anh Q phạm tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” và lý giải điều đó hoàn toàn không phù hợp và không thuyết phục. Vấn đề này, anh T đã có hành vi tấn công bị cáo rất nhiều lần (hành vi đã xâm hại đến sức khỏe của anh Q), không chỉ vậy hành vi của anh T liên tục và mong muốn đạt được mục đích của mình (tấn công lần thứ 1 sau khi thấy cán bộ lên thì bỏ đi, nhưng sau đó thấy cán bộ trung tâm ra thì lại tiếp tục vào tấn công và quyết liệt hơn lần 1), cần lưu ý rằng, trước đó anh T đã đánh ông N vì lý do ông N hỏi lại T và có ý không muốn chỉ nhà (hành vi rõ ràng ngang ngược và côn đồ), thứ 3 theo kết quả giám định trong máu anh T có nồng độ cồn (sử dụng rượu bia), thứ tư, ông Q là thương binh, mất sức lao động 100% phải ngồi xe lăn và điều bị bệnh (Viện kiểm sát lại cho rằng ông Q có đủ sức khỏe để chống lại là hoàn toàn không hợp lý) một người bị liệt chống lại 1 hành vi hung hãn của 1 người khỏe mạnh là vô cùng khó khăn, trong khi không có ai can thiệp hoặc trợ giúp. Từ những phân tích trên đây có thể thấy rằng hành vi của anh T thỏa mãn các điều kiện thuộc hành vi xâm hại trong phòng vệ chính đáng, vậy thì anh Q có quyền có hành vi chống trả lại hành vi xâm hại trên.

Thứ hai, quan điểm của Tòa án cho rằng hành vi làm chết người của anh Q là vượt quá giới hạn cần thiết trong phòng vệ chính đáng cũng là không hợp lý và thuyết phục, thì tôi không đồng tình, bởi lẽ: khi có đủ điều kiện phát sinh quyền phòng vệ, anh Q đã có hành vi ngăn chặn hành vi tấn công của anh

T là đúng đắn và không vượt quá yêu cầu của phòng vệ chính đáng. Việc anh T, lần thứ nhất dùng mũ cối đánh liên tiếp vào người ông N khi ấy ông đang nằm trên giường nên có thể dễ dàng bấm chuông gọi cấp cứu để ngừng ngay hành vi của anh T lại. Nhưng anh T rõ ràng ngoan cố, đã quay lại lần thứ hai, lần này có nhiều hành vi xảy ra hơn (dùng mũ cối đánh, dùng ly thủy tinh chọi, ghi đầu và muốn đổ nước sôi lên đầu anh Q) nên anh Q đã với con dao để trên bàn gần nơi mình bị tấn công và phòng vệ lại, khi một người đang bị tấn công liên tục và ghi đầu xuống thì việc dùng dao đâm vào nơi mình muốn là hoàn toàn không xác định được, khi anh Q đâm vào ngực trái T nhưng rõ ràng T vẫn chưa bỏ tay ra khỏi anh Q, vì vậy anh Q phải tiếp tục chống trả là khua dao về phía trước, sau khi bị khua trúng tay thì lúc này T mới bỏ tay ra và bước ra ngoài. Như Viện kiểm sát đã từng kết luận: anh T không hề mang theo hung khí vào nhà ông Q, nên ông Q không được quyền phát sinh phòng vệ. Vậy, anh T đã tấn công anh Q bằng gì (mũ cối, ly thủy tinh, phích nước sôi) và cũng không đồng nghĩa với việc anh T dùng hung khí gì thì ông Q dùng hung khí đó, nếu lập luận như vậy rõ ràng chúng ta đang quay lại thuật ngữ “tương xứng” một cách máy móc. Tiếp theo là vấn đề chết người xảy ra, dường như thực tiễn xét xử cho thấy, cứ xảy ra chết người từ hành vi phòng vệ thì luôn cho rằng đó là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Từ hai vụ án trên, chúng ta đều nhận thấy được rằng ranh giới giữa phòng vệ chính đáng hoặc vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là rất mong manh, nhưng hậu quả pháp lý từ việc xác định sai là vô cùng nặng nề, không chỉ đối với người bị kết án mà lớn hơn là sự nhận thức sai lệch cũng như niềm tin của người dân vào Nhà nước. Cần tìm ra những nguyên nhân đã dẫn đến xác định không đúng phòng vệ chính đáng để đưa những giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như sự nhận thức của người áp dụng pháp luật, với tinh thần không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

2.2.2.2. Nguyên nhân của việc áp dụng không đúng quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng

Phòng vệ chính đáng được đánh giá là một trong những chế định khó áp dụng trên thực tiễn, dẫn đến áp dụng sai nên không đạt được mục đích mà pháp luật đặt ra trong chế định này, việc này cũng bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau:

Một là, Bộ luật hình sự Việt Nam mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, nhưng qua tình hình thực tế, xã hội ngày càng thay đổi, thực tiễn thi hành cho thấy cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện hơn nữa các quy định về phòng vệ chính đáng, các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Đặc biệt, từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 đến nay, chưa có văn bản hướng dẫn chính thức cụm từ “*cần thiết*” trong chế định phòng vệ chính đáng của Bộ luật hình sự. Bây giờ, là BLHS 2015 (sửa đổi 2017) sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 vẫn không có những quy định mang tính “đột phá” mà BLHS năm 1999 chưa quy định hoặc không rõ ràng.

Hai là, một số cán bộ áp dụng pháp luật nhận thức không đầy đủ và chuẩn xác về các quy định pháp luật hình sự, dẫn đến tình trạng việc vận dụng pháp luật trong mỗi vụ án hình sự cụ thể còn lúng túng, đánh giá tính chất và mức độ của hành vi nguy hiểm cho xã hội không đúng, sự nhận thức về các nội dung trong điều khoản, tình tiết để phân biệt rõ ranh giới giữa tội phạm và không phải là tội phạm, giữa phòng vệ chính đáng hay vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Mặc dù, về mặt thực tiễn hiện nay, trình độ của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân (nói riêng) cũng như các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án được nâng cao rất nhiều cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, trong tình hình hiện nay yêu cầu về xây dựng Nhà nước pháp quyền, bảo vệ pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân, đòi hỏi chúng ta tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và lý luận, nhằm hoàn thiện hơn các

quy định về tiêu chuẩn Thẩm phán và các quy định khác trong Pháp lệnh về Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Đây là yêu cầu tất yếu và khách quan, để xây dựng cơ sở pháp lý, tuyển chọn một đội ngũ Thẩm phán có đạo đức nghề nghiệp tốt, có trình độ năng lực chuyên môn vững vàng, hoàn thành tốt nhiệm vụ xét xử trong thời gian tới.

Ba là, tình hình phát triển của khoa học, công nghệ nhanh chóng, sự tăng trưởng không ngừng của nền kinh tế, sản xuất ngày nay đã nảy sinh nhiều hiện tượng xã hội mới liên quan đến quá trình hình sự hóa và phi hình sự hóa, tội phạm hóa và phi tội phạm hóa nên thực tiễn xét xử đòi hỏi trong pháp luật hình sự phải kịp thời, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới. Hiện nay, do các bức xúc trong nhân dân, do tranh chấp đất đai, vi phạm trật tự, giao thông, việc cư xử... dễ dẫn đến bức xúc, mâu thuẫn và có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác... ngày càng gia tăng đòi hỏi các cán bộ Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải có trình độ hiểu biết về lĩnh vực này từ đó có thể đưa ra các quyết định, bản án đúng đắn, bảo đảm phương châm - *“xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội”*.

Bốn là, do nguyên nhân chủ quan, một số vụ án xét về thực chất là phòng vệ chính đáng nhưng bị coi là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng bởi động cơ vụ lợi hay động cơ cá nhân khác của người áp dụng pháp luật đã gây ảnh hưởng đến công tác phòng, chống tội phạm.

Năm là, do ý thức làm việc và trách nhiệm của một số cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử chưa cao, nên việc quản lý, xử lý, giải quyết vụ án chưa thật sâu, thật kỹ. Sự chỉ đạo, kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới đối với việc áp dụng các quy định liên quan đến phòng vệ chính đáng, các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng còn chưa đúng, hoặc là bỏ lọt tội phạm và người phạm tội...

Sáu là, việc học hỏi kinh nghiệm lập pháp của một số nước còn quá hạn chế, “Nếu chỉ dựa vào kết quả nghiên cứu pháp luật hình sự nước nhà thì không thể giải quyết thấu đáo những vấn đề của luật hình sự nói chung và chế định phòng vệ chính đáng nói riêng. Do trình độ phát triển của các quốc gia là khác nhau nên trình độ văn hóa pháp lý nói chung cũng như trình độ văn hóa pháp lý hình sự nói riêng tại các quốc gia là không giống nhau. Tại đây, xuất hiện nhu cầu nhận thức và tiếp thu có chọn lọc các kết quả xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự của nhau, nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập”. Trong khi đó sự tiếp nhận kinh nghiệm lập pháp hình sự về phòng vệ chính đáng chưa được quan tâm đúng mức.

Cần nhấn mạnh thêm rằng, nếu không có sự đối chiếu, so sánh, phân tích để rút ra được những ưu điểm của các nước trong chế định này, thì lập pháp của nước ta rất khó để phát triển, rất khó để đạt được mục đích mà pháp luật hình sự đặt ra.

Kết luận chương 2

Như vậy, Bộ luật hình sự trải qua các thời kỳ đã đáp ứng được yêu cầu đổi mới về kỹ thuật lập pháp, chú trọng hơn quyền con người, quyền công dân, thể hiện tư tưởng lớn của chính sách hình sự nước ta trong thời kỳ đổi mới và nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự, khuyến khích người dân tham gia vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng quy định, đã cho thấy vẫn còn có nhiều vụ án hình sự liên quan đến chế định phòng vệ chính đáng còn tồn tại vướng mắc, bất cập bởi nhiều nguyên nhân. Đặt ra vấn đề là cần phải giải quyết triệt để những nguyên nhân dẫn đến áp dụng sai phòng vệ chính đáng.

Chương 3

YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

3.1 Yêu cầu áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng

Như đã phân tích, chế định phòng vệ chính đáng mang tính nhân đạo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con người và của cả xã hội, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm nhằm xây dựng một Nhà nước xã hội chủ nghĩa thật sự vững mạnh về mọi mặt. Chính giá trị và vai trò đó của phòng vệ chính đáng đã đặt ra yêu cầu áp dụng đúng đắn chế định này, trong số những yêu cầu đặt ra đòi hỏi phải áp dụng đúng chế định phòng vệ chính đáng, thiết nghĩ, có ba yêu cầu quan trọng, không thể không nói đến đó là:

3.1.1. Yêu cầu của việc chuẩn bị đưa Bộ luật hình sự năm 2015 vào cuộc sống

Hoàn thiện chế định phòng vệ chính đáng là một trong những yêu cầu được đặt ra trong Bộ luật hình sự năm 2015 được các nhà làm luật xây dựng nhằm mục đích đưa chế định này được áp dụng trên thực tiễn một cách chính xác, không gây khó khăn cho những người áp dụng pháp luật, cũng như bảo vệ quyền con người mà chúng ta hướng tới. Mặc dù về cơ bản những quy định trong Bộ luật hình sự 2015 không khác xa so với Bộ Luật hình sự 1999 nhưng đã cho thấy một bước tiến lớn của pháp luật hình sự trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân mà Thế giới đang kêu gọi. Hoàn thiện là thế, nhưng để đưa BLHS 2015 vào cuộc sống, cần phải có bước chuẩn bị làm sao để việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 cũng như quy định về phòng vệ chính đáng đúng theo tư tưởng của nhà làm luật, nâng cao uy tín của pháp luật hình sự cả trong và ngoài nước.

Thứ nhất, yêu cầu áp dụng đúng chế định phòng vệ chính đáng xuất phát từ đặc điểm ngôn ngữ Việt với những từ ngữ dễ gây ra nhiều cách hiểu khác nhau ở mỗi người khi áp dụng pháp luật. Đây là khó khăn mà người áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 đã gặp phải, nhất là đối với cụm thuật ngữ “gây thiệt hại cần thiết”. Trong khi đó ranh giới giữa phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là rất mong manh, nhất là đối với tình trạng có chết người xảy ra khi phòng vệ. Bởi vậy, phải làm sao để tránh tình trạng, khi có chết người xảy ra trong phòng vệ chính đáng đều quy về “vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”, dễ gây oan sai, không những không bảo vệ được lợi ích của người phòng vệ theo tinh thần của chế định mà còn tước đi hoặc hạn chế quyền lợi của người phòng vệ khi họ bị coi là tội phạm.

Thứ hai, áp dụng pháp luật là hoạt động thực tiễn đòi hỏi phải có ý thức pháp luật cao, kiến thức pháp lý vững, cũng như tinh thần trách nhiệm cao của người áp dụng pháp luật. Trong khi đó, một bộ phận cán bộ áp dụng pháp luật chưa đáp ứng được yêu cầu này. Chính vì vậy, cần tổ chức các buổi tập huấn sâu rộng về BLHS 2015 cho tất cả các những người áp dụng pháp luật, nhấn mạnh mục đích của chế định này là bảo vệ quyền con người, mang tính nhân đạo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đồng thời giải thích và lắng nghe ý kiến của những người áp dụng pháp luật, bởi vì họ là những người thường xuyên “va chạm” với thực tiễn và chắc chắn sẽ có những tình huống phát sinh ngoài những quy định mà pháp luật dự đoán trước. Người tập huấn phải là người có được sự phân tích tổng quát về quy định của pháp luật cũng như thực tiễn thi hành.

Thứ ba, là cần đưa quy định này lên các phương tiện thông tin, báo chí chỉ có thông qua các phương tiện truyền thông người dân mới có thể dễ dàng tiếp cận được những quy định mới của BLHS 2015 nói chung, chế định phòng vệ chính đáng nói riêng. Tại sao, đối với chế định này người dân cần

phải hiểu rõ, bởi chế định này cho phép họ được quyền tự bảo vệ mình, “xử lý” tội phạm ngay lập tức mà không cần có sự can thiệp của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhưng họ cũng cần phải biết cái “giới hạn” mà pháp luật cho phép thực hiện.

Thứ tư, là các nhà lập pháp nên tiếp tục học hỏi những quy định về “phòng vệ chính đáng” của cá quốc gia trong khu vực hoặc quốc gia có sự tiến bộ vượt bậc về pháp luật, để tiếp tục hoàn thiện BLHS 2015 có thể trong thời gian tới nên chăng bổ sung thêm quy định về chế định này.

3.1.2. Yêu cầu của việc bảo vệ quyền con người và của công dân

Quyền con người và quyền công dân hiện nay vẫn chưa có một định nghĩa cụ thể nào, chính vì thế đã có rất nhiều nhà nghiên cứu đưa ra quan điểm của mình về hai quyền trên, có quan điểm cho rằng đó là những quyền xuất hiện một cách tự nhiên, bẩm sinh, không phụ thuộc vào bất cứ yếu tố nào trong xã hội, nhưng cũng đã có những nghiên cứu chỉ ra rằng đó là quyền được xác lập bởi Nhà nước và pháp điển hóa thành các quy phạm pháp luật. Những quan điểm này đều có những lập luận riêng, có những sự khác nhau nhất định, tuy nhiên chúng ta không thể phủ nhận rằng quyền con người, quyền công dân đều cần được bảo vệ một cách tốt nhất nếu quốc gia đó muốn phát triển và hơn thế nữa là xã hội loài người.

Trong Hiến chương của Liên hiệp quốc, pháp luật Việt Nam và Hiến pháp Việt Nam đã nêu cao vấn đề quyền con người và quyền công dân, đó là quyền tối thượng cần được mọi xã hội xác lập và bảo vệ, các quyền con người và quyền công dân trong đó pháp luật luôn coi trọng và bảo hộ về tính mạng, danh dự, sức khỏe và nhân phẩm của con người, đồng thời yêu cầu mọi hành vi, mọi quy tắc xử sự trong xã hội đều phải tuân thủ.

Đặc biệt với sự phát triển của Hiến pháp năm 2013 về việc ghi nhận và đảm bảo thực hiện tốt hơn các quyền con người, quyền công dân đặt ra yêu

cầu phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cả hệ thống pháp luật, trong đó có pháp luật hình sự với tư cách là công cụ pháp lý quan trọng và sắc bén nhất trong việc bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân. Như đã phân tích ở trên, các quy định về chế định phòng vệ chính đáng trong Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 đều nhằm mục đích lớn là bảo vệ lợi ích nói chung và đấu tranh phòng, chống tội phạm. Lợi ích bao gồm lợi ích của Nhà nước và lợi ích cá nhân (quyền con người, quyền công dân). Tuy nhiên cần lưu ý rằng, với quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 thì lợi ích của Nhà nước được đưa lên đầu tiên, sau đó là lợi ích của người phòng vệ, và cuối cùng là lợi ích của người khác. Đến BLHS 2015, những nhóm lợi ích cần được bảo vệ đã có sự thay đổi về vị trí, và chắc chắn rằng sự thay đổi này không phải do ngẫu nhiên (hay muốn đặt sao cũng được), mà các nhà làm luật đã thấy được tầm quan trọng trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Quy định này đòi hỏi, phải áp dụng đúng để pháp luật hình sự trong đó có quyền con người không chỉ tồn tại trong văn bản mà phải đi vào cuộc sống một cách đúng đắn và đầy đủ. Nói cách khác, việc bảo vệ quyền con người và công dân đòi hỏi phải áp dụng đúng phòng vệ chính đáng.

3.1.3. Yêu cầu của cải cách tư pháp hình sự và hội nhập quốc tế

Do ban hành từ năm 1999, nên BLHS 1999 chưa thể chế hoá được những quan điểm, chủ trương mới của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới (Nghị quyết số 08/NQ-TW); Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết số 48/NQ-TW) và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết số 49/NQ-TW). Việc

xây dựng một nền tư pháp hình sự vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh thể hiện đúng nhiệm vụ của BLHS là bảo vệ công bằng, lẽ phải của con người và an ninh của đất nước đặt ra nhu cầu phải áp dụng đúng pháp luật hình sự, trong đó có phòng vệ chính đáng.

Thứ nhất, áp dụng đúng pháp luật, trong đó có phòng vệ chính đáng góp phần làm cho nền tư pháp phải vững mạnh và trong sạch, xây dựng đội ngũ con người áp dụng pháp luật luôn sống vì lẽ phải, sự thật, chân lý, dám đương đầu với mọi thử thách (vì đấu tranh với tội phạm không bao giờ là dễ dàng), như Nghị quyết số 49 về cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ chính trị đã chỉ rõ.

Thứ hai, áp dụng đúng pháp luật, trong đó có phòng vệ chính đáng góp phần bảo vệ công lý, công bằng xã hội và các giá trị xã hội khác.

Thứ ba, áp dụng đúng pháp luật, trong đó có phòng vệ chính đáng góp phần tăng cường bảo vệ quyền con người, quyền công dân, tạo niềm tin vững chắc của nhân dân vào hiệu lực, hiệu quả của pháp luật hình sự

Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng cũng đặt ra nhu cầu áp dụng đúng pháp luật trong đó có phòng vệ chính đáng. Hội nhập quốc tế có thể được hiểu như là quá trình các nước tiến hành các hoạt động tăng cường sự gắn kết họ với nhau dựa trên sự chia sẻ về lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế. Khi nói đến hội nhập quốc tế, thì chúng ta sẽ nghĩ đến việc là hội nhập về kinh tế, nhưng hiện nay Nhà nước ta đang nỗ lực từng này sánh vai cùng các quốc gia trên thế giới, do vậy chúng ta không dừng lại ở việc hội nhập về kinh tế, mà trên rất nhiều lĩnh vực khác như văn hóa, xã hội và đặc biệt là pháp luật.

Hội nhập quốc tế là một quá trình tất yếu, do bản chất xã hội của lao động và quan hệ giữa con người. Các cá nhân muốn tồn tại và phát triển phải

có quan hệ và liên kết với nhau tạo thành cộng đồng. Nhiều cộng đồng liên kết với nhau tạo nên các quốc gia dân tộc, các quốc gia lại liên kết với nhau tạo thành những thực thể quốc tế lớn hơn và hình thành hệ thống thế giới. Việc hội nhập quốc tế sẽ giúp Việt Nam học hỏi thêm nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng một hệ thống pháp luật phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhưng lại bắt kịp với xu hướng của thế giới. Chúng ta học tập, tiếp thu những quy định pháp luật mang tính tiên bộ, phù hợp, đúng đắn, nhất là trong chế định phòng vệ chính đáng để làm sao vừa bảo vệ quyền và lợi ích của con người, của Nhà nước nhưng vẫn “trừng trị” được tội phạm, giữ đất nước trong vòng trật tự. Chúng ta đã thay thế thuật ngữ “tương xứng” thành “cần thiết” hay cụm từ “quyền lợi ích của con người” được đưa lên đầu, thay thế vị trí cụm từ “ lợi ích chung của Nhà nước”, đây là cả một quá trình học hỏi, trau dồi những tiên bộ của các quốc gia trong kỹ thuật lập pháp. Cũng như bắt kịp xu thế bảo vệ quyền con người – quyền công dân của một số quốc gia tiên bộ. Vấn đề quan trọng là làm sao những quy định đó phải được áp dụng đúng trên thực tế.

3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng

3.2.1. Tăng cường nhận thức đúng về phòng vệ chính đáng

3.2.1.1. Đối với chủ thể áp dụng pháp luật

Sự nhận thức của một số cán bộ áp dụng pháp luật hiện nay vẫn còn rất yếu kém, đã không ít những vụ án hình sự liên quan đến phòng vệ chính đáng, nhưng cán bộ áp dụng pháp luật lại xác định không đúng, không chính xác, thậm chí giữa những cán bộ áp dụng lại có mâu thuẫn với nhau về quan điểm như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thì xác định là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, nhưng khi đưa vụ án ra xét xử thì Tòa án tuyên vô tội vì phòng vệ chính đáng. Bên cạnh đó, người áp dụng pháp luật thì ít nhưng số lượng án

hình sự phải giải quyết thì quá nhiều, dẫn đến tình trạng xem xét hồ sơ vụ án không thấu đáo, qua loa dẫn đến tình trạng đưa ra kết luận vụ án không đúng với quy định của pháp luật hình sự. Đồng thời, hiện nay tồn tại không ít những cán bộ có tư tưởng chính trị không vững vàng, không công bằng, không liêm khiết trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, bởi ranh giới giữa phòng vệ chính đáng (không phải là tội phạm) và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (là tội phạm) rất mong manh, chính vì điều đó, một số cán bộ vì lợi ích riêng đã cố ý làm sai đi quy định của pháp luật hình sự về chế định này. Chính vì vậy, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự nói chung, người tiến hành tố tụng hình sự nói riêng cần được chú trọng về số lượng, lẫn chất lượng.

Trước hết, Nhà nước ta cần phải quán triệt tư tưởng chính trị, lối sống, đạo đức cho những cán bộ áp dụng pháp luật, tổ chức học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, trước tiên phải trở thành người có “đức”; đồng thời cần xem xét nâng lương thường xuyên, thưởng đột xuất cho những cá nhân có thành tích chống “quan liêu”, hỗ trợ tối đa cho những cán bộ khó khăn trong cuộc sống để họ chuyên tâm cho công việc mà được Nhà nước và nhân dân giao phó.

Tiếp theo, cần tăng cường nguồn cán bộ áp dụng pháp luật phù hợp với số lượng vụ án hình sự phải giải quyết, và tăng cường nhận thức đúng đắn của những chủ thể áp dụng pháp luật về chế định phòng vệ chính đáng bằng việc tổ chức thường xuyên những buổi tập huấn về nghiệp vụ và chuyên môn, trau dồi và học hỏi những kinh nghiệm thực tiễn, hướng dẫn cách tiếp cận để đưa ra một nhận thức chung, một quan điểm chung trong quá trình giải quyết vụ án hình sự liên quan đến phòng vệ chính đáng.

3.2.1.2. Đối với xã hội

Đối với chế định phòng vệ chính đáng, nhận thức của xã hội về quy định này là vô cùng quan trọng, bởi vì, phòng vệ là quyền con người được pháp luật hình sự cho phép thực hiện trong giới hạn những đồng thời cũng là nghĩa vụ về đạo đức giữa người với người, nhằm ngăn chặn hành vi xâm hại đến lợi ích hợp pháp nói chung, góp phần mạnh mẽ vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Nhưng trên thực tiễn cho thấy, không ít người dân trong xã hội đã có thái độ thờ ơ, vô tâm, sợ bị liên lụy.... trước những hành vi trái pháp luật, từ đó dẫn đến những hậu quả rất lớn do hành vi phạm tội gây ra. Tại sao thực tiễn áp dụng chế định phòng vệ chính đáng, chúng ta chỉ thấy được rằng người phòng vệ cũng chính là người bị xâm hại? Hay cũng chỉ là người bị xâm hại là người thân thích của người phòng vệ. Không thấy xuất hiện trường hợp nào người phòng vệ là người muốn bảo vệ lợi ích Nhà nước hay của tổ chức.

Những lý do trên xuất phát từ một nguyên nhân đó là nhận thức xã hội về quy định của pháp luật hình sự nói chung và quy định phòng vệ chính đáng nói riêng, đặt ra một nhiệm vụ lớn cho Nhà nước ta cần thực hiện việc tăng cường được nhận thức này một cách đầy đủ và đúng đắn. Muốn có một xã hội văn minh, tuân thủ pháp luật thì trước hết mỗi cá nhân trong xã hội phải là người có ý thức pháp luật, có nhận thức đúng đắn về phòng vệ chính đáng.

Nhà nước nói chung và cơ quan áp dụng pháp luật hình sự nói riêng, cần phải tổ chức tuyên truyền quy định của pháp luật bằng thực tiễn áp dụng, mở phiên tòa xét xử lưu động về phòng vệ chính đáng (điều này sẽ tập trung đông người dân đến xem), đưa vụ án hình sự về phòng vệ chính đáng lên báo đài, các trang mạng xã hội. Bên cạnh đó, nêu gương tốt của những người vì bảo lợi ích chung của xã hội mà có hành vi phòng vệ với hành vi xâm hại, cho xã hội thấy được rằng bảo vệ lợi ích của người khác hoặc của Nhà nước chính là bảo vệ lợi ích của chính mình. Mở ra các chương trình trực tiếp để giải đáp

thắc mắc của người dân về quy định phòng vệ chính đáng; khuyến khích bằng cách khen thưởng cho những ai có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích của Nhà nước.

3.2.2. Hoàn thiện pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng

Sửa đổi quy định về phòng vệ chính đáng theo hướng cụ thể hóa các trường hợp được quyền phòng vệ. Do quy định hiện hành không động viên được người dân tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm, thậm chí là đấu tranh với hành vi xâm phạm lợi ích của chính mình vì lo ngại vào sự phán xét của cơ quan bảo vệ pháp luật. Mặt khác, quy định như hiện nay gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là đối với các trường hợp phạm tội có sử dụng vũ khí như tội phạm ma túy, cướp tài sản sau đó bắt cóc con tin, lâm tặc có sử dụng vũ khí chống lại lực lượng bắt giữ... Do đó cần sửa đổi theo hướng gắn chặt hơn với bảo vệ lợi ích cá nhân, thay vì nhà nước, tổ chức như trước đây đồng thời khẳng định luôn trong Luật một số trường hợp sẽ đương nhiên xác định là phòng vệ chính đáng mà không cần phải thông qua việc đánh giá của các cơ quan tố tụng như: người phạm tội đang sử dụng vũ khí hoặc có biểu hiện sử dụng vũ khí ngay lập tức để chống lại việc bắt giữ hoặc thực hiện tội phạm;... Đây cũng là điều mà pháp luật của một số nước như Nga, Trung Quốc đã quy định... Đồng thời vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng cần tách thành một điều luật riêng, Với quan điểm này cần sửa đổi như sau:

Điều 22. Phòng vệ chính đáng

1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác, hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.

Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

2. Đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng trong những trường hợp sau:

a) Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để xâm phạm tính mạng, sức khỏe của mình hoặc của người khác;

b) Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để chống lại người thi hành công vụ;

c) Chống trả lại người đang thực hiện hành vi giết người, hiếp dâm.

3. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này.

4. Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng do hốt hoảng, sợ hãi hoặc hoảng loạn thì có thể được miễn hình phạt.

3.2.3. Tăng cường việc hướng dẫn về phòng vệ chính đáng

Văn bản hướng dẫn rất cần thiết trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự nói chung, chế định phòng vệ chính đáng nói riêng, hướng dẫn càng chi tiết, cụ thể thì dễ dàng trong việc thực thi. Chính vì thế đặt ra vấn đề, quy định văn bản hướng dẫn dưới dạng Nghị định hay Thông tư nêu căn cứ xác định hành vi chống trả của người phòng vệ được coi là cần thiết. Theo tác giả luận văn này, thì sự chống trả được coi là cần thiết khi có các căn cứ sau:

- Lợi ích bị xâm phạm càng quan trọng bao nhiêu thì hành vi chống trả càng mạnh mẽ bấy nhiêu, và phải luôn đặt trong hoàn cảnh cụ thể.

- Tính chất, mức độ của hành vi càng nguy hiểm và nghiêm trọng bao nhiêu thì hành vi chống trả thể hiện quyết liệt và rõ ràng hơn.

- Mối tương quan giữa lực lượng giữa bên xâm hại và người phòng vệ.

- Thời gian cũng là yếu tố quan trọng, vì nếu hành vi chống trả giữa ban

ngày và ban đêm có thể khác nhau.

- Không gian xảy ra sự việc.

Bổ sung thêm quy định nếu người xâm hại có hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người phòng vệ thì người phòng vệ không nhất thiết là xâm phạm lại tính mạng, sức khỏe cho người xâm hại lại mới là phòng vệ, mà có thể phòng vệ bằng cách gây thiệt hại khác là tài sản nhưng phải là có căn cứ phù hợp để bảo vệ tính mạng, sức khỏe cho mình.

3.2.4. Ghi nhận án lệ trong phòng vệ chính đáng

Án lệ có thể được hiểu là: Đường lối giải thích và áp dụng luật pháp của các tòa án về một điểm pháp lý, đường lối này đã được coi như một tiền lệ, khiến các thẩm phán sau đó có thể noi theo trong các trường hợp tương tự. Hay nói cách khác, xử theo án lệ là việc tòa cấp dưới vận dụng các phán quyết có từ trước của tòa cấp trên để đưa ra một phán quyết mới tương tự trong một vụ việc tương tự.

Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 đã chính thức thừa nhận “*Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ lựa chọn quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, bản án quyết định pháp luật đã có hiệu lực pháp luật, có tính chuẩn mực của các Tòa án, tổng kết phát triển thành án lệ và công bố án lệ để các tòa án nghiên cứu và áp dụng trong xét xử*”.

Công nhận án lệ trong pháp luật hình sự nói chung, pháp luật phòng vệ chính đáng nói riêng là điều cần thiết, bởi lẽ, chế định phòng vệ chính đáng mang tính quyền con người – quyền tự bảo vệ bản thân hoặc người khác, nhưng thực tiễn cho thấy, việc xác định phòng vệ chính đáng hoặc vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng của những chủ thể có thẩm quyền áp dụng pháp luật hình sự vẫn còn mang nhiều quan điểm, chưa có sự thống nhất trong việc

xác định, cũng từ đó dễ dẫn đến oan sai, làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm.

3.2.5. Tăng cường tổng kết thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng

Muốn xác định được pháp luật đã được thực hiện như thế nào trong đời sống xã hội thì cần phải tăng cường tổng kết thực tiễn quá trình áp dụng quy định hiện hành, nhằm khắc phục những thiếu sót, hạn chế không mang lại mục đích như mong muốn khi đặt ra chế định này.

Để đáp ứng với yêu cầu cải cách tư pháp trong đó có chế định phòng vệ chính đáng, thì công tác tổng kết thực tiễn vô cùng quan trọng là tiền đề để đưa ra những nghiên cứu lý luận giúp pháp luật hình sự được hoàn thiện. Công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận luôn có sự gắn kết chặt chẽ và biện chứng, trong đó hoạt động tổng kết thực tiễn là phải giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bất cập, làm tiền đề cho công tác nghiên cứu lý luận bởi vì công tác này tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản, làm rõ những bất cập, vướng mắc và vạch ra xu hướng vận động của thực tiễn. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án tăng cường tổng kết thực tiễn áp dụng quy định trong từng giai đoạn tố tụng cụ thể một cách thường xuyên, minh bạch, công khai.

Kết luận chương 3

Để xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn thiện nói chung, pháp luật hình sự nói riêng trong đó có chế định phòng vệ chính đáng, các nhà làm luật cần nhận thức đúng đắn những yêu cầu đổi mới của đất nước, đồng thời trau dồi, tham khảo những quy định tiên bộ của các quốc gia nhưng vẫn phù hợp với nền văn hóa, kinh tế, xã hội của nước ta.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài: “*Chế định phòng vệ chính đáng theo pháp luật hình sự Việt Nam*” tác giả luận văn này xin rút ra kết luận sau:

Phòng vệ được coi là một quyền con người, quyền công dân trong việc bảo vệ những lợi ích hợp pháp nói chung, vì vậy mà phòng vệ chính đáng được ghi nhận trong pháp luật hình sự Việt Nam và ngày càng được hoàn thiện hơn. Bên cạnh đó, chế định phòng vệ chính đáng còn trực tiếp góp phần cho hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của toàn xã hội, nhất là đang trong giai đoạn hiện nay, khoa học công nghệ, kinh tế phát triển mạnh mẽ, xuất hiện những hành vi phạm tội mới rất đa dạng và phức tạp.

Phòng vệ chính đáng trước hết đó là quyền của mỗi công dân trong việc tự bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc lợi ích chung của Nhà nước, đồng thời khuyến khích tinh thần trách nhiệm của mỗi người hãy làm việc có ích cho xã hội vì một xã hội tiến bộ và phát triển. Đồng thời tạo ra cơ sở pháp lý cho những cán bộ áp dụng pháp luật xác định được hành vi nào là tội phạm, hành vi nào không phải tội phạm góp phần xây dựng nền tư pháp nước ta trong sạch, vững mạnh, có được niềm tin của nhân dân.

Qua nghiên cứu các điều kiện của phòng vệ chính đáng cho thấy, quy định hiện nay của Luật hình sự Việt Nam về vấn đề này mặc dù đã cụ thể hơn trước, nhưng vẫn còn những quy định chưa thực sự rõ ràng dẫn đến có các quan điểm cách hiểu khác nhau về phòng vệ chính đáng. Chính vì vậy việc bảo đảm áp dụng đúng phòng vệ chính đáng cũng gặp vướng mắc ngay từ quy định của luật thực định. Bên cạnh đó, thì vẫn còn không ít những hạn chế, trong việc nhận thức đúng đắn của cán bộ áp dụng pháp luật, dẫn đến thực trạng đáng lo ngại là bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội, từ đó không thực hiện triệt để công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Chính vì thế, việc nghiên cứu từ quy định trong

pháp luật hình sự cho đến áp dụng trên thực tiễn chế định phòng vệ chính đáng, nhằm đưa ra những giải pháp cụ thể mang tính đóng góp cho các nhà làm luật nước ta tham khảo trong quá trình sửa đổi, bổ sung quy định này trong Bộ luật hình sự.

Việt Nam đã hội nhập quốc tế về mọi mặt trong đời sống xã hội, trước yêu cầu hội nhập quốc tế đó, đòi hỏi nước ta cần hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng trong đó có chế định phòng vệ chính đáng, để phù hợp với hệ thống pháp luật của thế giới và những cam kết quốc tế về việc bảo vệ quyền con người của nước ta. Việc tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia trên cơ sở lịch sử lập pháp và các điều kiện thực tế tại Việt Nam là cần thiết và cấp bách. Do đó, khoa học luật hình sự nước ta phải tiếp tục nghiên cứu nhiều hơn, từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam như mục tiêu của Đảng “Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, góp phần đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
2. Phạm Văn Beo (2012), *Luật hình sự Việt Nam (Quyển 1 - Phần chung)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Lê Cẩm (chủ biên) (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Lê Văn Cẩm (chủ biên) (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Lê Văn Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Lê Văn Cẩm (2009), *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. Đặng Văn Doãn (1983), *Về vấn đề phòng vệ chính đáng*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
8. Nguyễn Minh Đoan (2012), *Hiệu quả của pháp luật những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia – sự thật, Hà Nội.
9. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 5/1/1986 hướng dẫn tòa án các cấp áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1985*, Hà Nội.
10. Đinh Văn Quế (1998), *Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 - Phần chung*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
12. Đinh Văn Quế (2010), *Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự - những vấn*

đề lý luận và thực tiễn, Nxb Phương Đông.

13. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1985), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1985*, Hà Nội.
14. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999, 2009), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009*, Hà Nội.
15. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Việt Nam 2013*, Hà Nội.
16. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Hà Nội.
17. Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Hồ Sỹ Sơn (2012), *Chế định phòng vệ chính đáng nhìn từ góc độ so sánh pháp luật hình sự một số nước trên thế giới*, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, (số 1), tr. 18 – 25.
19. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam (Quyển 1 - Những vấn đề chung)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
20. Tòa án nhân dân tối cao (1980), *Chỉ thị số 73-CT/TANDTC ngày 02/06/1980*, Hà Nội.
21. Tòa án nhân dân tối cao (1983), *Chỉ thị số 07-CT/TANDTC ngày 22/12/1983 về việc xét xử các hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc trong khi thi hành công vụ*, Hà Nội.
22. Toà án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 02/HĐTP- TANDTC ngày 05/01/1986 về việc hướng dẫn thi hành một số vấn đề của Bộ luật hình sự năm 1985*, Hà Nội.
23. Trịnh Tiến Việt (2012), *Hoàn thiện các quy định của phần chung Bộ luật*

hình sự - trước yêu cầu mới của đất nước. Nxb Chính trị quốc gia – sự thật, Hà Nội.

24. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
25. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.